

UBND HUYỆN LONG ĐIỀN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ














BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ







BÀ RỊA - VŨNG TÀU, NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN HUỆ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Ông Văn Gia Bửu	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Bà Lê Thị Bình Trọng	Giáo viên - TK HĐSP	Thư ký HĐ	
5	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Giáo viên	Thư ký HĐ	
6	Bà Lê Thị Hồng Phước	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên HĐ	
7	Bà Trần Thị Kim Hoàng	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên HĐ	
8	Bà Nguyễn Thị Tâm	Tổ trưởng tổ Sử-Địa- CD	Thư ký HĐ	
9	Bà Bùi Thị Hoàng Vân	Tổ phó tổ Sử-Địa-CD	Ủy viên HĐ	
10	Bà Đỗ Thị Chuyên	Tổ trưởng tổ Ngữ Văn	Ủy viên HĐ	
11	Bà Tô Thị Oanh Kiều	Tổ trưởng tổ Tin- Công Nghệ	Ủy viên HĐ	
12	Bà Trịnh Thị Linh	Giáo viên	Ủy viên HĐ	
13	Ông Đoàn Trung Tuấn	GV- Trưởng ban TTND	Ủy viên HĐ	

14	Ông Triệu Mạnh Tân	GV - PBT Đoàn thanh niên	Ủy viên HĐ	
15	Ông Phạm Văn Vượng	GV-Tổ trưởng tổ TD-AN-MT	Ủy viên HĐ	
16	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Giáo viên - TPT	Ủy viên HĐ	
17	Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Kế toán, TT tổ VP	Ủy viên HĐ	
18	Ông Phan Trọng Thảo	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên HĐ	
19	Bà Đặng Thị Hoa Phượng	Tổ phó tổ Toán	Ủy viên HĐ	

Tổng số: 19 người

Bà Rịa – Vũng Tàu, 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1	13
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	20
Tiêu chí 1.4	24
Tiêu chí 1.5	27
Tiêu chí 1.6	29
Tiêu chí 1.7	32
Tiêu chí 1.8	34
Tiêu chí 1.9	37
Tiêu chí 1.10	39
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	42
Tiêu chuẩn 2	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 2.1	43
Tiêu chí 2.2	45
Tiêu chí 2.3	50
Tiêu chí 2.4	52
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	55
Tiêu chuẩn 3	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 3.1	56
Tiêu chí 3.2	59
Tiêu chí 3.3	61
Tiêu chí 3.4	63
Tiêu chí 3.5	66
Tiêu chí 3.6	69

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	72
Tiêu chuẩn 4	73
Mở đầu	73
Tiêu chí 4.1	73
Tiêu chí 4.2	76
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	78
Tiêu chuẩn 5	79
Mở đầu	79
Tiêu chí 5.1	79
Tiêu chí 5.2	83
Tiêu chí 5.3	86
Tiêu chí 5.4	89
Tiêu chí 5.5	91
Tiêu chí 5.6	95
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	102
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	102
<i>Kết luận</i>	102
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	105
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

THCS	Trung học cơ sở
GDĐT	Giáo dục đào tạo
CB-GV-NV	Cán bộ-Giáo viên-Nhân viên
BGDĐT	Bộ Giáo dục đào tạo
HĐT	Hội đồng trường
TNTP	Thiếu niên tiên phong
TLĐ	Tổng liên đoàn
BCH	Ban chấp hành
TDTT	Thể dục thể thao
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
UBND	Ủy ban nhân dân
KHTN	Khoa học tự nhiên
GDPT	Giáo dục phổ thông
CBQL	Cán bộ quản lý
TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
CMHS	Cha mẹ học sinh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
ANTT	An ninh trật tự
CMHS	Cha mẹ học sinh
GDGD	Giáo dục công dân
GV	Giáo viên
NV	Nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất
PGD	Phòng giáo dục
TPT	Tổng phụ trách
SHL	Sinh hoạt lớp
HS	Học sinh
ATGT	An toàn giao thông
PPCT	Phân phối chương trình
CNTT	Công nghệ thông tin
TTGDTX	Trung tâm giáo dục thường xuyên

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	-
Tiêu chí 2.3		X	X	-
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Tiêu chí 5.6		X	X	X
--------------	--	---	---	---

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	

Kết quả: /

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trung học cơ sở Nguyễn Huệ
Cơ quan chủ quản: UBND huyện Long Điền

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Bà Rịa – Vũng Tàu	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Hồng Hà
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Long Điền	Điện thoại	0395324241
Xã / phường/thị trấn	Phước Hưng	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2010	Số điểm trường	
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	6	7	7	7	8
Khối lớp 7	6	7	7	7	7
Khối lớp 8	8	6	7	7	7
Khối lớp 9	7	8	7	7	6
Cộng	27	28	28	28	28

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	33	33	33	33	33	
1	Phòng học	24	24	24	24	24	
a	Phòng kiên cố	24	24	24	24	24	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/		
c	Phòng tạm	/	/	/	/		
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/		
c	Phòng tạm	/	/	/	/		
3	Khối phục vụ học tập	4	4	4	4	4	
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	
b	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/		
c	Phòng tạm	/	/	/	/		
II	Khối phòng hành chính -	10	10	10	10	10	

	quản trị						
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	/	/	/	/		
3	Phòng tạm	/	/	/	/		
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, hồi phòng chức năng khác (nếu có)						
...							
	Cộng	44	44	44	44	44	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TDG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1			1		
Phó hiệu trưởng	2		1		1	1	
Giáo viên	51	38		1	50		
TPT Đội	1				1		
Nhân viên	3	3		1	2		
HDLĐ	3	1					
Cộng	61	44			57		

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
1	Tổng số giáo viên	51	51	51	51	51

2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	1,9	1,9	1,9	1,9	1,9
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	5,9	5,6	5,5	5,5	5,5
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	9	8	8	8	4
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	3	3	3	3

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	945	940	902	926	1021	
	- Nữ	459	454	427	456	518	
	- Dân tộc thiểu số	5	7	6	8	9	
	- Khối lớp 6	252	247	233	253	334	
	- Khối lớp 7	228	258	232	225	254	
	- Khối lớp 8	237	206	240	218	222	
	- Khối lớp 9	228	229	197	230	211	
2	Tổng số tuyển mới	252	243	232	252	334	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú						
5	Nội trú						
6	Bình quân	35	34	33	33	37	

	số học sinh/lớp học						
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	893 93,8%	886 94,25%	843 93,46%	879 94,92%	969 94,9%	
	- Nữ	447 96,96%	440 96,92%	414 96,96%	443 97,15%	501 96,72%	
	- Dân tộc thiểu số	5	6	5	7	9	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	14/3	11/3	11/0	9/0	8/0	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	/	/	/	/	/	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	19	8	11	8	7	
	- Nữ	9	3	5	3	2	
	- Dân tộc thiểu số	/	/	/	/	/	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	/	/	/	/	/	
12	Số học sinh Tốt nghiệp THCS	228	229	197	230	211	
13	Số Học sinh thi đỗ vào lớp 10	135	132	115	125	145	

c) Kết quả giáo dục (đối với trường TRUNG HỌC CƠ SỞ, TRUNG HỌC PHỔ THÔNG và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Tỷ lệ xếp loại Kết quả học tập theo Thông tư 22						
Tốt	/	/	26,81%	30.96%	31.23%	
Khá			36.17%	35.36%	37.28%	
Đạt			37.02%	33.68%	31.11%	
Chưa đạt			/	/	0.37%	
Tỷ lệ xếp loại Học lực theo Thông tư 58						
Giỏi	23,81%	21,6%	29.90%	23.44%	28.91%	
Khá	35,34%	35,85%	42.67%	44.64%	39.34%	
Trung bình	40,53%	41,28%	27.35%	31.92%	31.75%	
Yếu	0,32%	0,64%				
Kém		0,64%				
Tỷ lệ xếp loại Kết quả rèn luyện theo Thông tư 22						
Tốt	/	/	92.34%	93.93%	94.81%	
Khá	/	/	7.66%	6.07%	4.69%	
Đạt	/	/	/	/	0.49%	
Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm theo Thông tư 58						
Tốt	89.10%	87.45%	93.57%	91.29%	93.36%	
Khá	10.90%	12.55%	6.43%	8.71%	6.64%	
Tỉ lệ học sinh hoàn thành (TN THCS) chương trình lớp học	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được thành lập từ năm 2010, thuộc ấp Lò Vôi – xã Phước Hưng - huyện Long Điền - Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Số lượng học sinh của trường tăng theo từng năm học. Năm học 2024–2025, trường có 28 lớp với tổng số học sinh là 1121 học sinh;

Thuận lợi cơ bản của nhà trường là hơn 98% giáo viên đạt trình độ chuẩn, đa số giáo viên trẻ, có ý thức trách nhiệm. Hầu hết các em học sinh ngoan, lễ phép, chịu khó học tập và rèn luyện. Bên cạnh đó, trường cũng có những khó khăn nhất định như giáo viên mới ra trường kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của mình; phần lớn học sinh thuộc gia đình lao động nghèo, kinh tế không ổn định (làm mướn, phụ hồ,..), phụ huynh tập trung lo cho cuộc sống nên mức độ quan tâm đến việc học của con em còn hạn chế;

Công tác quản lý chất lượng của nhà trường trong những năm qua được thực hiện tốt: tổ chức thực hiện đúng đủ chương trình; kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên thường xuyên, phân công chuyên môn hợp lý, đúng năng lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin qua các chuyên đề, tổ chức bồi dưỡng giáo viên; sắp thời khóa biểu bằng phần mềm Smarth Schedule và quản lý điểm của học sinh bằng phần mềm VNedu giúp cho việc xếp thời khóa biểu khoa học hơn, đồng thời quản lý điểm chặt chẽ, giúp cho việc nhập điểm, tính điểm trung bình và phân loại học lực của học sinh một cách chính xác; lưu trữ bài kiểm tra của học sinh đúng quy định; tổ chức các kỳ kiểm tra nghiêm túc;

Trong những năm qua, trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong huyện Long Điền. Trường có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận từ danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh. Nhiều năm liền nhà trường có tỷ lệ học sinh giỏi huyện, tỉnh. Tỷ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt từ 95,8% đến 100%, tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 trung học cơ sở đạt từ 80% trở lên (thống kê tỉ lệ trên số lượng học sinh đăng ký dự thi), ngoài ra nhà trường luôn giữ chất lượng đại trà ở mức bình quân 98%;

Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành phát động, trường đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa.

Nhà trường có đội ngũ ổn định, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm cao, nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể Lao động tiên tiến.

2. Mục đích TĐG

Nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường;

Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và Chuẩn Quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng qui trình mà Bộ GD&ĐT hướng dẫn, gồm 7 bước (Các bước thực hiện công khai, dân chủ):

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá
2. Lập kế hoạch tự đánh giá
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí
5. Viết báo cáo tự đánh giá
6. Công bố báo cáo tự đánh giá
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá

Để hoàn thành đạt hiệu quả công tác tự đánh giá Hội đồng tự đánh giá đề ra các hoạt động như sau:

- Hội đồng Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá

- Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Huệ ra quyết định số 192/QĐ-CSNH ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc thành lập hội đồng tự đánh giá năm học 2023-2024 gồm 19 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ chi bộ, Ban lãnh đạo, tổ trưởng tổ chuyên môn, trưởng các tổ chức, đoàn thể trong trường. Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng thành viên theo chức năng, năng lực mỗi ủy viên. Đồng thời, thành lập các nhóm công tác và nhóm thư kí, mỗi nhóm công tác do một thành viên Hội đồng tự đánh giá làm nhóm trưởng. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài đảm bảo tính dân chủ, công khai, khoa học.

- Hội đồng tự đánh giá tiến hành xây dựng kế hoạch số 193/KH-CSNH, ngày 29 tháng 9 năm 2023 về tự đánh giá nhà trường năm học 2023-2024 xác định mục đích, phạm vi, công cụ tự đánh giá, dự kiến các nguồn lực và thời điểm cần huy động, có xây dựng thời gian cụ thể các nội dung hoạt động,...

- Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành họp phổ biến quy trình tự đánh giá đến tất cả các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

- Tập huấn công tác tự đánh giá, thu thập và mã hoá minh chứng cho cán bộ giáo viên trong trường theo đúng hướng dẫn;

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu, chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá;

- Thu thập thông tin và minh chứng;

- Các cá nhân, nhóm chuyên trách hoàn thiện các Phiếu đánh giá tiêu chí;

- Căn cứ vào thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT, các thành viên được phân công tiến hành thu thập các thông tin và minh chứng, rà soát các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đối chiếu với các kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT Ban hành; Ban thư ký viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí sau đó công bố kết quả tự đánh giá đến toàn thể hội đồng nhà trường, Ban đại diện CMHS để lấy ý kiến đóng góp cuối cùng hoàn thiện và công bố báo cáo tự đánh giá trong Hội đồng nhà trường.

- Trong quá trình tự đánh giá Hội đồng đã nhận ra những điểm mạnh và điểm yếu thể hiện qua các hoạt động để có kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp.

- Sau khi tự đánh giá, căn cứ vào thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã thống nhất đánh giá trường **đạt Mức 2.**

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ hiện nay có đủ cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Điều lệ trường trung học. Có đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đủ số lượng theo cơ cấu về môn học, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục trung học;

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh, tổ tư vấn tâm lý học đường,...

Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường.

Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường
Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị và địa phương, nhà trường xây dựng kế hoạch “Chiến lược phát triển trường THCS Nguyễn Huệ giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” [**H1-1.1-01**], các mục tiêu trong chiến lược phát triển của nhà trường có tính khả thi và phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Điều 29 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với nguồn lực hiện có của nhà trường; kế hoạch

chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phước Hưng theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực nhà trường; [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược được Phòng GD&ĐT huyện Long Điền phê duyệt và được phổ biến đến toàn thể CB-GV-NV nhà trường, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Phước Hưng, học sinh, CMHS và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03].

c) Chiến lược phát triển của nhà trường được công khai trước toàn thể hội đồng sư phạm, được niêm yết tại trường và trên website (<https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-trunghoccosonguyenhue>) của trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Định kỳ các văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được toàn thể CB-GV-NV tham gia đóng góp ý kiến, từ đó đề ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05].

Mức 3

Hàng năm, trên cơ sở kết quả giáo dục thực tiễn, Hội đồng nhà trường tiến hành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển; việc đánh giá rà soát được thực hiện trong họp hội đồng sư phạm cuối năm học; đánh giá thông qua kế hoạch giáo dục từng năm học nhằm định hướng sự phát triển của nhà trường phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn. Các nội dung được bổ sung, điều chỉnh hàng năm đều công khai rộng rãi trên bảng thông báo, cổng thông tin của đơn vị [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển có tính chất khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường và địa phương trong từng giai đoạn;

Chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, được thông qua Hội đồng trường và phê duyệt của Chủ tịch hội đồng, đảm bảo tính pháp lý của chiến lược;

Chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển nhà trường, được công khai rộng rãi tại trường và trang Web của trường.

3. Điểm yếu

Kế hoạch chiến lược có rà soát, bổ sung hằng năm nhưng đôi lúc chưa kịp thời.

Nội dung chiến lược phát triển nhà trường chưa được nhiều ý kiến đóng góp từ phía CMHS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Năm học 2024-2025, Hiệu trưởng và các thành viên trong Ban lãnh đạo mở rộng tổ chức sơ kết để rà soát, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị cũng như rút ra bài học kinh nghiệm để điều chỉnh, từng bước thực hiện lộ trình chiến lược phát triển của nhà trường.	Lãnh đạo	Lãnh đạo điều chỉnh kế hoạch và triển khai đến toàn thể đội ngũ.	Trong từng năm học	Không
Vào đầu năm học 2024-2025 lãnh đạo nhà trường triển khai và ghi nhận ý kiến đóng góp của Ban đại diện CMHS để bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường cho phù hợp với từng giai đoạn và mang tính toàn diện hơn.	Lãnh đạo	Lãnh đạo triển khai kế hoạch Ban đại diện CMHS và tổng hợp ý kiến.	Trong từng năm học	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt / Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được thành lập và kiện toàn gồm 13 thành viên theo Quyết định số 895/QĐ-PGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2024 của UBND huyện Long Điền, Chủ tịch Hội đồng cô Nguyễn Thị Hồng Hà (Căn cứ Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học) **[H2-1.2-01]**, ngoài ra trường còn thành lập các Hội đồng: Hội đồng Thi đua, khen thưởng; Hội đồng chăm sóc kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường,... **[H3-1.2-02]**;

b) Hội đồng trường đề ra mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường, cụ thể trong năm học 2021-2022 Hội đồng trường đã đề xuất sửa chữa cơ sở vật chất, lát nền gạch và sơn mới toàn trường. Năm học 2023-2024 Hội đồng trường đã lập kế hoạch đề xuất cấp trên cấp bổ sung máy vi tính phục vụ giảng dạy cho học sinh. Các hoạt động, chi tiêu hàng năm đều thông qua Hội đồng trường. Quy chế dân chủ ở nhà trường được Hội đồng trường giám sát chặt chẽ (Chức năng và quyền hạn của Hội đồng trường thực hiện theo Điều 10 Điều lệ trường Trung học); chức năng, quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng trường được quy định cụ thể trong quy chế; đối với Hội đồng thi đua, khen thưởng và các Hội đồng khác được quy định tại Điều 11 Điều lệ trường Trung học **[H2-1.2-01]**; **[H4-1.2-03]**.

c) Hội đồng trường tổ chức họp ít nhất 2 lần/năm học, tại các cuộc họp Hội đồng trường có rút kinh nghiệm, đồng thời rà soát những hoạt động phát sinh, kịp thời bổ sung vào Nghị quyết của Hội đồng trường **[H2-1.2-01]**.

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả, các buổi họp của Hội đồng luôn đề ra được giải pháp cụ thể, tạo được sự đồng thuận và nhất trí cao trong Hội đồng [H2-1.2-01]; [H4-1.2-03]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Kịp thời kiện toàn Hội đồng trường khi có sự thay đổi về nhân sự quản lý, các thành viên trong Hội đồng trường là những người trách nhiệm, có tầm nhìn và tâm huyết xây dựng phát triển nhà trường;

Các buổi họp của Hội đồng trường được ghi chép cẩn thận, được biểu quyết và trở thành Nghị quyết của Hội đồng trường, đảm bảo tính pháp lý theo quy định;

Định kỳ có rà soát, đánh giá những hoạt động của nhà trường, Hội đồng thi đua, khen thưởng hoạt động hiệu quả, công tâm; các Hội đồng khác hoạt động tích cực góp phần vào thành tích chung của tập thể nhà trường;

3. Điểm yếu

Thành viên của Hội đồng trường thường thay đổi do các yếu tố khách quan như thay đổi chức danh, chuyển nơi công tác. Các thành viên Hội đồng trường do kiêm nhiệm nên còn hạn chế trong việc thực hiện chức năng giám sát các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thể hiện tích cực hơn vai trò, chức năng giám sát của các thành viên Hội đồng trường vào việc tham gia xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và cải tiến công tác quản lý nhà trường kể từ năm học 2024-2025.	Thành viên HĐT	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐT	Trong các họp HĐT	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn trường, Ban chấp hành công đoàn trường gồm 5 thành viên, được thành lập theo Quyết định số 133/QĐ-LĐLĐ ngày 27/03/2023 của Liên đoàn lao động huyện Long Điền. Công đoàn cơ sở do cô Lê Thị Hồng Phước làm Chủ tịch, gồm 61 công đoàn viên, trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Long Điền [**H5-1.3-01**]; Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 04 đoàn viên trực thuộc Đoàn cơ

sở xã Phước Hưng do thầy Triệu Mạnh Tân kiêm nhiệm Bí thư Chi đoàn **[H7-1.3-03]**; Liên đội TNTP Hồ Chí Minh có 28 chi đội với 1121 đội viên **[H7-1.3-04]**. Tất cả các Đoàn thể có cơ cấu tổ chức theo quy định.

b) Công đoàn nhà trường có xây dựng quy chế hoạt động, quy chế hoạt động của Công đoàn được xây dựng theo Quyết định số 174/QĐ-Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khoá XII) và Hướng dẫn số 03/HD-TLĐ ngày 20 tháng 2 năm 2020 hướng dẫn thi hành điều lệ Công đoàn Việt Nam. Hàng năm, Công đoàn trường đều tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động. Tham mưu cấp ủy đảng thực hiện các nhiệm vụ khác, phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức các hoạt động cho giáo viên, nhân viên toàn trường nhân các ngày lễ lớn như: 20/10, 8/3, tham quan trong dịp hè với nhiều hình thức vui, khỏe, đoàn kết. Tham gia các hoạt động văn nghệ, ẩm thực của địa phương và của ngành tổ chức nhân dịp Tết Nguyên Đán,... **[H5-1.3-01]; [H6-1.3-02]**.

Hằng năm, Liên đội và Chi đoàn nhà trường đều xây dựng kế hoạch cụ thể, Chi đoàn nhà trường luôn bám sát và thực hiện các kế hoạch hoạt động của Đoàn cơ sở xã Phước Hưng, xây dựng kế hoạch hoạt động từng năm và hoạt động theo Điều lệ của BCH Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi đoàn tham gia các hoạt động tình nguyện tại địa phương, tham mưu cấp ủy chi bộ và lãnh đạo nhà trường tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức cho học sinh tham quan về nguồn **[H7-1.3-03]; [H7-1.3-05]**. Kế hoạch hoạt động của Liên đội thực hiện theo hướng dẫn của Hội đồng đội huyện Long Điền và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (Ban hành kèm theo Quyết định số 99-QĐ/HĐĐTW ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng Đội Trung ương khóa VIII), Liên đội phối hợp cùng Chi đoàn tổ chức các hoạt động bổ ích cho học sinh, thành lập đội sao đỏ, tổ chức thi đua trong học sinh giữa các lớp, hỗ trợ lãnh đạo nhà trường giữ gìn vệ sinh, nề nếp nhà trường **[H7-1.3-04]**.

c) Hằng năm Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đều thực hiện báo cáo kết quả hoạt động trong năm, được Liên đoàn Lao động huyện, Đoàn cơ sở xã và Hội đồng đội kiểm tra hồ sơ hoạt động, từ đó có kết quả đánh giá hoạt động hàng năm, Công đoàn được công nhận Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Chi đoàn và Liên đội được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H5-1.3-01]; [H7-1.3-03]; [H7-1.3-04]**.

Mức 2:

a) Trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 43-QĐ/ĐU ngày 22/02/2011 của Đảng ủy xã Phước Hưng, đến nay Chi

bộ có 33 đảng viên. Ban Chi ủy gồm 5 đồng chí, Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Thị Hồng Hà – Hiệu trưởng, Ban chi ủy được thành lập theo Quyết định số 111-QĐ/ĐU ngày 20 tháng 07 năm 2022 của Đảng ủy xã Phước Hưng. Chi bộ Đảng nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm liên kề, chi bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H8-1.3-06]**;

b) Các tổ chức đoàn thể như: Công đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đóng góp tích cực và hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Từ đó giúp cho nhà trường phát triển đồng bộ về các mặt hoạt động. Tổ chức Công đoàn có nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công đoàn viên, gắn kết công đoàn viên tạo nên một tập thể đoàn kết tốt. Đoàn – Đội luôn quan tâm tổ chức các phong trào, đề ra các giải pháp để giáo dục đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh, từ đó giúp cho chất lượng giáo dục hai mặt của nhà trường ngày một nâng cao **[H5-1.3-01]**; **[H7-1.3-03]**; **[H7-1.3-04]**; **[H7-1.3-05]**.

Mức 3:

a) Chi bộ nhà trường trong 05 năm liên tục từ năm 2019 đến năm 2023 được Đảng bộ xã đánh giá: Hoàn thành tốt nhiệm vụ **[H8-1.3-06]**;

b) Các đoàn thể tổ chức trong nhà trường luôn có những đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn có các hoạt động chăm lo đời sống cho CB-GV-NV nhà trường trong các dịp 20/10, Tết Nguyên đán, 08/3, tham gia các phong trào văn nghệ, TDTT cấp huyện luôn đạt giải cao, quyên góp giúp đỡ cho công đoàn viên gặp khó khăn ổn định cuộc sống...Đoàn Thanh niên và Đội thiếu niên duy trì các hoạt động xã hội như: thăm gia đình chính sách vào các dịp lễ, tết, tổ chức cho học sinh quét dọn vệ sinh Đền liệt sỹ xã Phước Hưng. Vận động tổ chức chương trình “Quà xuân tặng bạn”, tặng quà tết cho học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn của trường được các mạnh thường quân và CMHS ủng hộ,... **[H5-1.3-01]**; **[H7-1.3-03]**; **[H7-1.3-04]**; **[H7-1.3-05]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định của Điều lệ; các tổ chức: Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh,...của nhà trường hoạt động rất hiệu quả đóng góp nhiều thành tích nổi bật cho các hoạt động chung của nhà trường và cộng đồng: tổ chức cho đoàn viên Công đoàn tham gia hiến máu nhân đạo, giúp đỡ đoàn viên công đoàn khó khăn, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh,...

Chi bộ và các đoàn thể trong nhà trường luôn có sự thống nhất cao trong các hoạt động. Bí thư Đoàn và Tổng phụ trách đội của trường nhiệt tình, có năng lực nên công tác Đoàn - Đội luôn đạt hiệu quả cao.

Trong hoạt động, các tổ chức trong nhà trường có sự thống nhất cao, phối hợp nhịp nhàng, ăn ý nên mọi hoạt động của các tổ chức đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

3. Điểm yếu

Số lượng quần chúng giới thiệu vào Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng ít do ảnh hưởng lí lịch hoặc một số quần chúng giáo viên không muốn vào đảng, dẫn đến chỉ tiêu phát triển đảng viên gặp khó khăn;

Phần lớn giáo viên ở xa và con nhỏ nên việc tham gia các hoạt động công đoàn gặp nhiều khó khăn;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phân công đảng viên tiếp cận quần chúng làm công tác tư tưởng vận động quần chúng vào đảng.	Bí thư chi bộ, đảng viên được phân công	Căn cứ chỉ tiêu phát triển đảng của địa phương	Theo kế hoạch của Chi bộ	Không
Phân công giáo viên tham gia các hoạt động phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đội ngũ giáo viên, nhân viên nhằm thực hiện hiệu quả các hoạt động, phong trào của đơn vị.	Lãnh đạo + Công đoàn + Liên đội + Chi đoàn	Tuyên truyền vận động đoàn viên, đội viên tích cực tham gia.	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt

c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THCS Nguyễn Huệ có cơ cấu tổ chức bộ máy đúng quy định theo Điều lệ trường THCS, Hiệu trưởng: Cô Nguyễn Thị Hồng Hà, được bổ nhiệm theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND huyện Long Điền, phó hiệu trưởng 1: thầy Nguyễn Hữu Tuấn được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND huyện Long Điền, phó hiệu trưởng 2: thầy Văn Gia Bửu được bổ nhiệm theo Quyết định số 5498/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 của UBND huyện Long Điền, Số lượng phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định **[H9-1.4-01]**.

b) Trường có 7 tổ chuyên môn (Tổ Toán, Tổ KHTN, Tổ Thể dục-Âm nhạc-Mỹ thuật, Tổ Tin học-Công nghệ, Tổ Ngữ văn, Tổ Tiếng Anh, Tổ Lịch Sử, Địa lí-Công dân), cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn được thực hiện theo quy định tại điều 14 Điều lệ trường trung học; cơ cấu tổ chức tổ văn phòng theo quy

định tại điều 15 Điều lệ trường trung học; mỗi tổ đều có tổ trưởng, 6/7 tổ có tổ phó do hiệu trưởng ra quyết định vào đầu mỗi năm học [H10-1.4-02];

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có xây dựng kế hoạch hoạt động năm học, thực hiện nhiệm vụ và sinh hoạt đúng quy định theo Điều 14; Điều 15 của Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Các kế hoạch đều được Hiệu trưởng phê duyệt đầu năm [H11-1.4-03]; [H12-1.4-04];

Mức 2:

a) Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều thực hiện ít nhất hai chuyên đề cấp trường. Các chuyên đề được phân công đầu năm và đầu tư thực hiện nhằm giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác giáo dục. Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức các chuyên đề cấp huyện theo phân công của Hội đồng bộ môn cấp huyện [H11-1.4-03];

b) Trong các buổi sinh hoạt định kì, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều thực hiện tốt việc nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động của tổ trong thời gian qua và đề ra phương hướng hoạt động cho thời gian tới. Ngoài ra các tổ đều có sơ, tổng kết theo học kỳ, năm học để rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của tổ cho phù hợp và đạt hiệu quả [H11-1.4-03]; [H12-1.4-04].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có xây dựng kế hoạch hoạt động và hệ thống chỉ tiêu dựa trên kế hoạch chung của nhà trường, tổ chức thực hiện đạt yêu cầu. Từ đó giúp nhà trường đạt được các chỉ tiêu đã đề ra. Trong các buổi họp Hội đồng trường, họp Hội đồng sư phạm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã có những đóng góp giúp nhà trường đề ra các giải pháp thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05]; [H11-1.4-03]; [H12-1.4-04].

b) Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ chuyên đề theo quy định. Các chuyên đề được xây dựng theo hình thức nghiên cứu bài học, được chia sẻ qua Zalo nhóm, Gmail nội bộ để giáo viên trao đổi, đóng góp, thực hiện. Sau khi báo cáo và thực hành giảng dạy, các chuyên đề và tiết dạy được giáo viên trong tổ góp ý sâu sát dựa trên các hoạt động học tập của học sinh. Từ đó, giáo viên rút được nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy. Một số chuyên đề có chất lượng được báo cáo và dạy minh họa cấp huyện như: môn Toán, môn GDCT, môn Ngữ văn, môn tiếng Anh... [H11-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Trường có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định tại Điều lệ

trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Kế hoạch hoạt động của các tổ kịp thời, đầy đủ, rõ ràng và có chất lượng giúp cho nhà trường nâng cao chất lượng các hoạt động. Việc sinh hoạt của các tổ chuyên môn được tổ chức thường xuyên và có hiệu quả thiết thực. Các chuyên đề giúp giáo viên xác định được những vấn đề khó khăn trong thực tế giảng dạy và đưa ra các giải pháp có tính khả thi, hiệu quả, nâng cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng, phát huy tính sáng tạo, tạo được mối liên hệ giữa các bộ môn thông qua dạy tích hợp, liên môn, đặc biệt nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong sinh hoạt tổ chuyên môn vẫn còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn phát biểu xây dựng;

Từng thành viên trong tổ vẫn phòng đảm nhiệm công việc khác nhau nên sự hỗ trợ lẫn nhau trong công việc đôi lúc còn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự họp luân phiên ở các tổ chuyên môn, tổ văn phòng để kiểm tra, đồng thời có những chỉ đạo hoạt động của tổ sâu sát hơn.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn	Trong năm học 2024-2025	Không
Tổ trưởng tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động để các thành viên trong tổ đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau hoàn thành tốt công việc một cách hiệu quả nhất.	Tổ trưởng tổ văn phòng	Các buổi họp tổ	Hàng tháng	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt

a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trong 05 năm liên kế, nhà trường có đủ các khối lớp theo quy định, Năm học 2024-2025 trường có 28 lớp với 1121 học sinh, khối 6 có 7 lớp, khối 7 có 8 lớp, khối 8 có 7 lớp, khối 9 có 6 lớp;

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 6	6	7	7	7	8
Khối lớp 7	6	7	7	7	7
Khối lớp 8	8	6	7	7	7
Khối lớp 9	7	8	7	7	6

Cộng	27	28	28	28	28
-------------	----	----	----	----	----

[H13-1.5-01]; [H13-1.5-02]; [H14-1.5-03]; [H14-1.5-04];

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 32/2020/TT- BGDDT ngày 15/9/2020; mỗi lớp có lớp trưởng và hai hoặc ba lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học **[H14-1.5-03]; [H14-1.5-04]**.

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ dưới sự điều hành của Ban cán sự lớp và hướng dẫn của GVCN. Trong các tiết sinh hoạt ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt chủ nhiệm hoặc truy bài đầu giờ các em luân phiên nhau điều khiển tổ chức các hoạt động và sinh hoạt lớp **[H14-1.5-03]; [H14-1.5-05]**.

Mức 2:

Trong 5 năm, mỗi năm trường có 28 lớp (không vượt quá 45 lớp theo quy định), bình quân số học sinh trên lớp đảm bảo theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 32/2020/TT- BGDDT ngày 15/9/2020 Ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; cụ thể

Bình quân số học sinh/lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối 6	42.2	35.3	33.3	36.1	41.8
Khối 7	38.3	36.8	33.1	32.1	36.3
Khối 8	30.1	34.3	34.3	31.1	31.7
Khối 9	32.6	28.6	28.1	32.9	35.2

[H13-1.5-01]; H13-1.5-02]; [H14-1.5-04].

Mức 3:

Số lớp học và số học sinh trong một lớp ở từng năm học đảm bảo theo quy định. Năm học 2024-2025 trường biên chế 28 lớp học; trong đó: khối 6: 7 lớp, khối 7: 8 lớp, khối 8: 7 lớp, khối 9: 6 lớp; tổng số học sinh: 1121, số học sinh bình quân/lớp không vượt quá 45 học sinh, cụ thể: khối 6: 45 hs/lớp, khối 7: 41 hs/lớp, khối 8: 36 hs/lớp, khối 9: 37 hs/lớp **[H13-1.5-01]; H13-1.5-02]; [H14-1.5-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các khối lớp học theo quy định của Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Số lượng học sinh trong một lớp dao động từ 35 đến 44, tỉ lệ trung bình không vượt quá 41 HS/lớp là điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, giáo dục học sinh cũng như tiến hành các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Điểm yếu

Một số lớp có Ban cán sự lớp điều hành các hoạt động lớp chưa tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức các buổi tập huấn kỹ năng Đội, kỹ năng quản lý, điều hành chi đội cho học sinh, kỹ năng tự quản.	Tổng phụ trách đội, Bí thư chi đoàn	Các buổi sinh hoạt kỹ năng	Tổ chức 2 lần trong năm học	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt	Chỉ báo	Đạt/không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Có đầy đủ các hồ sơ liên quan đến hành chính, tài chính, tài sản như: hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, công văn đến; sổ quản lý tài sản; sổ quản lý công cụ, dụng cụ; các biên bản, kết luận, thông báo liên quan của các cấp có thẩm quyền; quy chế chi tiêu nội bộ ... được nhà trường lưu trữ và cập nhật đầy đủ [H15-1.6-01]; [H16-1.6-02]; [H17-1.6-03]; [H18-1.6-04];

b) Nhà trường có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định và theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước. Việc công khai tài chính được nhà trường thực hiện tại các buổi họp hội đồng giáo viên, niêm yết trên bảng thông tin và đăng trên Website nhà trường theo thông tư số 61/2017/TT-BTC và thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 trong đó có công khai về tài chính. Định kỳ nhà trường tự kiểm tra tài chính và tổ chức kiểm tra tài sản theo quy định, việc kiểm tra định kỳ tài chính, tài sản đều được Ban thanh tra nhân dân của nhà trường tham dự, giám sát. Hằng năm, nhà trường đều có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế chi tiêu nội bộ được thông qua hội đồng giáo viên góp ý bổ sung điều chỉnh và nhà trường cũng thường xuyên cập nhật cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. [H16-1.6-02]; [H18-1.6-04]; [H1-1.1-03].

c) Tất cả các nguồn kinh phí huy động đều được công khai rõ ràng về nguồn thu và mục đích sử dụng trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh, có quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, thông qua và lấy ý kiến biểu quyết trong Hội nghị viên chức, NLĐ đầu mỗi năm học [H1-1.1-03]; [H6-1.3-02]; thực hiện công khai tài chính theo quy định để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát, kiểm tra bằng hình thức phổ biến trong Hội đồng sư phạm và niêm yết tại bảng thông tin nhà trường, thời gian theo từng quý. Định kỳ thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính. Cuối năm Ban thanh tra nhân dân thông báo công tác kiểm tra tài chính trước toàn thể nhà trường [H16-1.6-02];

Mức 2:

a) Trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, nhà trường luôn chú trọng ứng dụng CNTT, việc ứng dụng CNTT vào quản lý hành chính, tài chính và tài sản đã mang lại hiệu quả tích cực. Hiện nay nhà trường đang sử dụng phần mềm IMAS và phần mềm Quản tài sản nhà nước để quản lý tài chính, tài sản nhà trường [H19-1.6-05];

b) Hằng năm nhà trường đều thực hiện quyết toán ngân sách đúng theo quy định, có thông báo kết quả quyết toán của UBND huyện. Trong 5 năm không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H16-1.6-02];

Mức 3:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp như: Đề án sử dụng tài sản công, phương án tự chủ, dự toán các giai đoạn,... phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương [H16-1.6-02]; [H18-1.6-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc lưu trữ hệ thống hồ sơ hành chính đầy đủ. Công tác quản lý tài chính, tài sản đúng quy định. Có ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tài chính, tài sản. Công tác lưu trữ hồ sơ, chứng từ được quan tâm đúng mức để đảm bảo tốt cho công tác thanh kiểm tra về tài chính, tài sản. Đến thời điểm này nhà trường chưa có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết, phù hợp, được sự đồng tình của cả hội đồng. Thực hiện tốt việc công khai tài chính, kiểm tra tài chính, tài sản theo định kỳ.

3. Điểm yếu

Một số tài sản quá hạn sử dụng chưa đề nghị thanh lý kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên kế toán thường xuyên theo dõi sổ tài sản để tham mưu tốt cho Hiệu trưởng mua bổ sung hoặc đề nghị thanh lý	Nhân viên Kế toán	Biên bản kiểm kê thanh lý tài sản	Trong năm học 2024-2025	Không

tài sản không còn sử dụng được				
--------------------------------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL, giáo viên, nhân viên phù hợp với tình hình thực tế (Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên dành cho cán bộ quản lý và giáo viên, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về chương trình GDPT 2018, trong năm học 2022-2023 và 2023-2024 giáo viên dạy môn KHTN, Lịch sử và Địa lí được cử đi đào tạo bồi dưỡng theo lịch của Sở GD&ĐT); cán bộ giáo viên và nhân viên luôn được tạo điều kiện thuận lợi nhất để tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn; giáo viên nhân viên của nhà trường cũng được đề cử tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng giáo viên cốt cán, bồi dưỡng về nghiệp vụ y tế, nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ kế toán [H20-1.7-01].

b) Trên cơ sở xác định năng lực trình độ chuyên môn của giáo viên và nhân viên, nhà trường tổ chức phân công, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên rõ

ràng, hợp lý và đúng chuyên môn đào tạo, tạo được sự đồng thuận từ phía CBQL, giáo viên, nhân viên và góp phần mang lại hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. Nhà trường có ra quyết định phân công nhiệm vụ, giao trách nhiệm và làm căn cứ để giáo viên, nhân viên thực hiện **[H21-1.7-02]; [H21-1.7-03];**

c) CBQL, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 11, Điều 29 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020. Nhà trường thực hiện đúng chế độ, chính sách cho CB-GV-NV như: phụ cấp thâm niên, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp chức vụ, phụ cấp tiết thực hành cho giáo viên dạy môn Giáo dục thể chất (Thể dục), Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế...; ngoài chế độ theo quy định nêu trên còn có các chế độ khác dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên được thể hiện qua Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm: chế độ thai sản, nghỉ phép, khen thưởng phong trào cho giáo viên và học sinh, chế độ thăm hỏi,... Toàn thể CBQL, giáo viên, nhân viên được tham gia đóng góp ý kiến cho các kế hoạch, các quy chế trong các buổi họp, hội nghị... **[H6-1.3-02]; [H3-1.2-02]; [H23-1.7-05];**

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho CBQL, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực của bản thân; tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên phát huy năng lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường **[H21-1.7-02]**. Khuyến khích giáo viên học tập chuyên môn trên chuẩn, động viên CBQL, giáo viên, nhân viên tự học tập các văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ, tin học và cử lực lượng giáo viên cốt cán trong diện quy hoạch học tập bồi dưỡng lí luận chính trị, bồi dưỡng công tác quản lý giáo dục **[H23-1.7-05]**. Nhà trường tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo định kỳ và khuyến khích giáo viên tham dự để trao dồi chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực giảng dạy. Khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên tham dự hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh **[H3-1.2-02]**.

2. Điểm mạnh

Giáo viên, nhân viên của nhà trường có tinh thần tự học cao, tự nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân thông qua các lớp tự nâng chuẩn (từ cao đẳng lên đại học), công tác tự bồi dưỡng của giáo viên được thực hiện thường xuyên, được giáo viên xây dựng kế hoạch rõ ràng;

Các lớp bồi dưỡng về chuyên môn được giáo viên tham gia đầy đủ;

Cán bộ quản lý nhà trường vững về chuyên môn, tiếp thu và thích nghi nhanh với những thay đổi ở từng điều kiện khác nhau, chịu lắng nghe ý kiến đóng góp của giáo viên về phân công chuyên môn, từ đó làm thay đổi chất lượng dạy

học theo chiều hướng tích cực;

Các chế độ của giáo viên và nhân viên đều được giải quyết kịp thời, công khai minh bạch và thỏa đáng, không có giáo viên thắc mắc về vấn đề này;

3. Điểm yếu

Nội dung đăng ký bồi dưỡng thường xuyên của một số giáo viên chưa sát với năng lực thực tế của bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tư vấn cho giáo viên lựa chọn nội dung tự bồi dưỡng phù hợp với năng lực để phát triển.	Lãnh đạo, TTCM	Căn cứ kết quả chất lượng đạt được của công việc được giao	Năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả : Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành, bám sát các nội dung nhiệm vụ từng năm học của Phòng GD&ĐT huyện Long Điền, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục toàn diện, thể hiện đầy đủ nội dung của các hoạt động giáo dục và có hệ thống chỉ tiêu phấn đấu cho từng nội dung. Kế hoạch được lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Long Điền ký duyệt vào đầu mỗi năm học, được thông qua Hội đồng trường vào đầu mỗi năm học **[H24-1.8-01]**.

b) Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục chính khoá thông qua việc giảng dạy các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình phổ thông của cấp học; đồng thời tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm của Bộ GD&ĐT, tổ chức cho học sinh đi tham quan, tham gia các trò chơi dân gian, sinh hoạt tập thể; các hoạt động xã hội, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi nhằm giáo dục toàn diện và phát triển năng khiếu cho học sinh. Thực hiện nghiêm túc kế hoạch về thời gian năm học, kế hoạch cá nhân của giáo viên, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn theo quy định, kế hoạch tuyển sinh lớp 10 thể hiện rõ ở sổ đầu bài, sổ theo dõi và đánh giá học sinh (Sổ gọi tên ghi điểm). **[H25-1.8-02]; [H13-1.5-01]; [H26-1.8-03]; [H27-1.8-04]; [H28-1.8-05]; [H29-1.8-06]; [H30-1.8-07]**.

c) Các hoạt động giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời trong các buổi họp hội đồng sư phạm hàng tháng, sơ kết học kì 1, họp hội đồng trường và trong buổi họp tổng kết cuối năm của các bộ phận và của nhà trường **[H1-1.1-03]; [H1-1.1-05]; [H2-1.2-01]**.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường được thực hiện thường xuyên, kịp thời, được Phòng GD&ĐT kiểm tra hàng năm vào đầu năm học hoặc kiểm tra đột xuất trong năm học. Các đợt kiểm tra đều được đánh giá tốt **[H4-1.2-03]**;

Nhà trường thực hiện đúng quy định về dạy thêm, học thêm: Có sổ theo dõi học thêm, dạy thêm và thời khóa biểu, có danh sách học sinh tham gia học thêm trong năm và danh sách cán bộ giáo viên tham gia dạy thêm. Hoạt động dạy thêm được thông qua Hội đồng trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh; hoạt động dạy thêm, học thêm của nhà trường thực hiện đúng theo Thông tư 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về dạy thêm, học thêm, Quyết định 30 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc quy định công tác dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng

Tàu, Công văn số 3248/SGDĐT-GDTrHTX ngày 03/10/2022 của Sở GD&ĐT tỉnh BR-VT v/v Hướng dẫn dạy thêm, học thêm Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh BR-VT; Công văn số 1154/PGDĐT-VP ngày 10/10/2022 của Phòng GD&ĐT huyện Long Điền v/v Hướng dẫn dạy thêm, học thêm Chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Long Điền **[H31-1.8-08]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và được tổ chức thực hiện đầy đủ; kế hoạch giáo dục của nhà trường được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời; được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

Giáo viên, nhân viên thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được phân công, có tinh thần trách nhiệm với công việc, hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch; học sinh chấp hành tốt nội quy, có ý thức học tập từ đó giúp nhà trường hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Các hoạt động dạy thêm, học thêm được Ban đại diện cha mẹ học sinh đồng tình ủng hộ.

3. Điểm yếu

Một số ít giáo viên còn chậm trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng thường xuyên dự họp cùng tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sâu sát; tạo điều kiện để giáo viên học tập, nghiên cứu, đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Xây dựng kế hoạch dự giờ hỗ trợ tư vấn chuyên môn cho GV.	Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn	Lập kế hoạch	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ theo thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020. Trong các buổi hội họp, CB-GV-NV đều được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng cho tất cả các kế hoạch hoạt động trong nhà trường [**H1-1.1-03**]. Các hoạt động của nhà trường được sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân, giáo viên nhân viên; kết quả giám sát được công khai trong các kỳ Hội nghị viên chức, người lao động hằng năm [**H6-1.3-02**];

b) Các thắc mắc của phụ huynh và giáo viên được nhà trường giải thích đầy đủ, nhà trường chưa xảy ra tình trạng khiếu nại, tố cáo của giáo viên và phụ huynh [**H5-1.3-01**]; [**H6-1.3-02**]; [**H33-1.9-02**].

c) Trong nhiều năm qua, nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở nên không có hiện tượng mất đoàn kết nội bộ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh của CB-GV-NV và CMHS về các mặt hoạt động của trường

[H34-1.9-03].

Mức 2:

Lãnh đạo nhà trường đảm bảo công tác công khai dân chủ ở tất cả các mặt như: công tác dạy và học, công tác thu-chi tài chính, công tác khen thưởng, đánh giá xếp loại thi đua trong giáo viên và học sinh,... hằng năm có kế hoạch, sơ kết, tổng kết về thực hiện quy chế dân chủ ở nhà trường; việc thực hiện quy chế dân chủ được thực hiện đúng nguyên tắc có sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ Đảng nhà trường. Quy chế dân chủ được toàn thể giáo viên nhân viên và Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát đảm bảo tính công khai, minh bạch thông qua báo cáo của Ban thanh tra nhân dân **[H1-1.1-03]; [H18-1.6-04]; [H4-1.2-03]; [H33-1.9-02]; [H32-1.9-01].**

2. Điểm mạnh

Các hoạt động của nhà trường đều đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ. Quy chế dân chủ được thực hiện tốt nên đã tập hợp được sức mạnh đoàn kết nhất trí cao của tập thể trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường. Trong nhiều năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo hay phản ánh của giáo viên và CMHS về Ban lãnh đạo nhà trường hay giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên trẻ do ngại phát biểu nên chưa mạnh dạn khi tham gia trao đổi thảo luận đóng góp ý kiến để phát huy hết nội lực trong tập thể viên chức của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thông qua các hình thức, các kênh để GV bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, từ đó kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của GV-NV xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ Cấp ủy, Ban lãnh đạo và tập thể hội đồng sư phạm nhà trường	Lãnh đạo nhà trường, BCH công đoàn	Các buổi trao đổi	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng các kế hoạch bảo đảm ANTT trường học; kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích; phương án cứu nạn cứu hộ, phương án PCCC được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hiện nay, nhà trường đang được thay mới hệ thống PCCC, phương tiện chữa cháy tại chỗ được đặt ở vị trí dễ thấy, dễ lấy; kế hoạch phòng chống thiên tai; kế hoạch phòng

chống dịch bệnh; kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường. Các kế hoạch, phương án đều có sự phối hợp của các đoàn thể trong nhà trường; trường xây dựng kế hoạch phối hợp với công an địa phương trong việc giữ gìn ANTT, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường **[H35-1.10-01]; [H35-1.10-02]; [H35-1.10-03];**

b) Đường dây nóng của nhà trường được thiết lập bằng hình thức niêm yết và công bố rộng rãi số điện thoại di động của Hiệu trưởng trên trang Web cho phụ huynh và học sinh biết để tiếp nhận thông tin phản ánh từ CMHS, người dân đối với CBQL, giáo viên, nhân viên trường. Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, thực hiện rà soát các hạng mục công trình, khuôn viên đảm bảo các hoạt động của giáo viên và học sinh diễn ra an toàn **[H35-1.10-04];**

c) Trong những năm qua nhà trường luôn đảm bảo được môi trường học tập an toàn, hòa đồng, bình đẳng giới, không xảy ra hiện tượng kỳ thị, bạo lực học đường đáng tiếc trong nhà trường. Trường thực hiện tốt việc tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, dạy lòng ghép về giáo dục giới tính trong các môn học liên quan cho học sinh, từ đó các em cũng đã hiểu và ý thức trong hành vi ứng xử với bạn khác giới **[H35-1.10-04].**

Mức 2:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường triển khai các phương án, các kế hoạch liên quan đến đảm ANTT, an toàn trường học; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường đến CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh. CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn thực hiện tốt ANTT; công tác PCCC; phòng, chống thiên tai; dịch bệnh; phòng chống bạo lực học đường;... **[H35-1.10-01]; [H35-1.10-02]; [H35-1.10-03]; [H35-1.10-04].**

b) Chi đoàn giáo viên và Liên đội thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy của các lớp, qua đó phát hiện sớm những mâu thuẫn, những hành vi biểu hiện bạo lực trong học sinh để ngăn chặn kịp thời, không để trường hợp xấu xảy ra. Nhà trường kết hợp với gia đình giải quyết triệt để các trường hợp học sinh mâu thuẫn với nhau. Từ đó hạn chế nhiều trường hợp học sinh đánh nhau gây mất ANTT trong và ngoài nhà trường, đảm bảo môi trường học tập an toàn, thân thiện, hiệu quả **[H35-1.10-05];**

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp tốt với các Ban ngành đoàn thể và công an địa phương nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên

và học sinh; tập thể hội đồng sư phạm nhà trường và học sinh cùng chung tay thực hiện tốt công tác ANTT, an toàn trường học. Công tác phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống dịch bệnh; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội luôn được quan tâm và thực hiện tốt. Công tác ANTT, an toàn trường học luôn được đảm bảo. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, tình trạng bạo lực học đường trong nhà trường giảm đáng kể.

3. Điểm yếu

Nhà trường đã tổ chức tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện tốt các nề nếp, nội quy trong và ngoài trường, tuy nhiên việc thực hiện trật tự trước cổng trường vẫn còn hạn chế, sự phối hợp của một vài cha mẹ học sinh để đảm bảo an toàn cho học sinh khi tham gia giao thông chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Lãnh đạo phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương để tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác chấp hành luật an toàn giao thông cho phụ huynh, học sinh. Trong năm học 2024-2025, Hiệu trưởng phân công Đoàn thanh niên hỗ trợ bảo vệ trực giao buổi để đảm bảo ANTT, an toàn trường học. Chỉ đạo GVCN thường xuyên nhắc nhở học sinh thực hiện đúng quy định khi tham gia giao thông từ nhà đến trường và từ trường về nhà.	Lãnh đạo, GVCN	Các buổi hội nghị CMHS. Sinh hoạt dưới cờ	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở và các quy định khác do Bộ GD&ĐT ban hành.

Công tác quản lý của nhà trường thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ trường trung học, có kế hoạch cụ thể, đảm bảo nguyên tắc, thể hiện tính dân chủ, công khai, tính toàn diện, đúng luật giáo dục phù hợp với các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Ban lãnh đạo nhà trường có các biện pháp tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác theo quy định tại chương trình giáo dục trung học cấp trung học cơ sở do Bộ GD&ĐT ban hành.

Trường có chiến lược phát triển giáo dục từ 2020 đến 2025 được xác định rõ từng giai đoạn phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học và thực trạng kinh tế xã hội địa phương.

Trong quá trình hoạt động cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chấp hành và thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của ngành giáo dục, đảm bảo tốt an ninh chính trị, đoàn kết; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những thiếu sót cần khắc phục như: Mọi hoạt động có tổ chức nhưng hồ sơ minh chứng chưa đầy đủ, chưa thể hiện rõ việc thực hiện; một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao.

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tỷ lệ: 100%

+ Số tiêu chí đạt mức độ 2: 10/10 tỷ lệ: 100%

+ Số tiêu chí đạt mức độ 3: 5/5 tỷ lệ : 100%

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh:

Mở đầu:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn và trên đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học; có nhiều năm công tác, có kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt; tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao; năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.

Về chất lượng đội ngũ: có đủ giáo viên ở tất cả các môn học, 99,5% giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường trung học. Giáo viên tích cực, nhiệt tình, có ý thức học hỏi, rèn luyện và phấn đấu trong chuyên môn, hằng năm có nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

Nhà trường có 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thư viện, 1 nhân viên phục vụ và 2 nhân viên bảo vệ, tất cả đạt chuẩn về trình độ đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật; đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm; được đảm bảo các quyền theo quy định

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 11 – Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thâm niên công tác, Hiệu trưởng cô Nguyễn Thị Hồng Hà có trình độ Đại học sư phạm Ngữ văn, có số năm công tác là 32 năm, trong đó có 10 năm dạy học và 22 năm làm công tác quản lý; Phó Hiệu trưởng 1 thầy Nguyễn Hữu Tuấn có trình độ Đại học sư

phạm Tin học, Thạc sỹ quản lý giáo dục, số năm công tác là 19 năm, trong đó có 10 năm dạy học và 9 năm làm công tác quản lý, Phó Hiệu trưởng 2 thầy Văn Gia Bửu có trình độ Đại học sư phạm tiếng Anh, số năm công tác là 24 năm, trong đó có 10 năm dạy học và 14 năm làm công tác quản lý, theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học [H9-1.4-01]; [H36-2.1-01].

b) Trong năm học 2021-2022 và 2023-2024 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá từ khá trở lên theo chuẩn Hiệu trưởng [H37-2.1-02]

Kết quả đánh giá, xếp loại	Chức vụ	Năm học 2021-2022	Năm học 2023-2024
Nguyễn Thị Hồng Hà	Hiệu trưởng	Khá	Tốt
Nguyễn Hữu Tuấn	Phó hiệu trưởng	Tốt	Tốt
Văn Gia Bửu	Phó hiệu trưởng	Tốt	Tốt

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng về quản lý giáo dục. Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng đã có chứng chỉ Quản lý giáo dục. Hàng năm Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng tham gia lớp Bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Phòng GD, Sở giáo dục tổ chức, 1 phó hiệu trưởng tham gia lớp Thạc sỹ quản lý giáo dục [H9-1.4-01];

Mức 2:

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác. Trong 05 năm liên tục Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được đánh giá loại khá trở lên theo Chuẩn hiệu trưởng trường trung học (theo thông tư 14/2018/BGDĐT) [H9-1.4-01]; [H36-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều được bồi dưỡng về lý luận chính trị theo quy định, Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng đã có bằng trung cấp lý luận chính trị, Hiệu trưởng hiện là bí thư chi bộ nhà trường [H9-1.4-01];

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được giáo viên và nhân dân tín nhiệm và đánh giá cao thông qua biên bản đánh giá chuẩn Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng hàng năm [H37-2.1-02].

Mức 3:

Trong 2021-2022 và 2023-2024 Hiệu trưởng được Lãnh đạo Phòng GD&ĐT đánh giá chuẩn Hiệu trưởng từ Khá trở lên [H37-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, được tập thể Hội đồng sư phạm tín nhiệm. Hằng năm đều được lãnh đạo Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại Khá theo

chuẩn Hiệu trưởng; Hiệu trưởng đánh giá 2 phó hiệu trưởng xếp loại Tốt.

3. Điểm yếu

Sắp xếp thời gian bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Sắp xếp, bố trí, phân công thực hiện các nhiệm vụ phù hợp, bố trí thời gian để thực hiện tốt việc tự học, tự bồi dưỡng	Lãnh đạo nhà trường	Tự đăng ký tham gia các lớp học trực tuyến	Năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2024-2025 nhà trường có 51 giáo viên trên 28 lớp, tỷ lệ giáo viên trên lớp đạt 1.82 đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục các bộ môn; cụ thể:

Môn học	Toán	Ngữ văn	K H T N	Lịch Sử và Địa lí	G D C D	Tiếng Anh	Tin học	Công nghệ	Thể dục	Nghệ thuật
Số lượng	9	7	8	6	2	7	4	2	3	3

Số lượng giáo viên đủ về số lượng theo biên chế giao (đủ so với quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của BGDDĐT về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017, tỉ lệ giáo viên/lớp là 1,8) [H21-1.7-03]; [H38-2.2-01].

b) Năm học 2024-2025 có 98,1% giáo viên đạt trình độ đào tạo chuẩn theo quy định tại Điều 30 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 Ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ

thông có nhiều cấp học, có có 0,19% chưa đạt chuẩn (1 giáo viên đang tham gia học đại học) [H38-2.2-01];

Môn học	Số lượng	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Ghi chú
Toán	9	9		
Văn	7	7		
KHTN	8	8		
Lịch sử và Địa lí	6	6		
Tiếng Anh	7	7		
Tin học	4	4		
Công nghệ	2	1	1	Đang học đại học
Nghệ thuật	3	3		
GDTC	3	3		
GD CD	2	2		
Tổng cộng	51	50	1	

c) Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức cho giáo viên tự đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 20 của Bộ GDĐT. Hiệu trưởng đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV 2 năm một lần vào các năm học: 2019-2020, 2021-2022, 2023-2024. Kết quả đánh giá giáo viên cuối năm học của Hiệu trưởng cụ thể như sau: [H37-2.2-02];

Năm học	Tổng số GV, TPT	Tốt (SL/Tỷ lệ)	Khá (SL/Tỷ lệ)	Đạt (SL/Tỷ lệ)	Chưa đạt (SL/Tỷ lệ)
2019-2020	52	11 21,15%	38 73,08%	3 5,77%	/
2021-2022	54	43 79,64	10 18,51%	1 1,85%	/
2023-2024	52	50 96,14%	1 1,96%	/	1 1,96%

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo của trường được duy trì ổn định và tăng dần theo năm học, cụ thể:

Năm học 2019-2020: Số giáo viên đạt chuẩn là 44/51 đạt tỷ lệ 86,3%

Năm học 2020-2021: Số giáo viên đạt chuẩn là 44/51 đạt tỷ lệ 86,3%

Năm học 2021-2022: Số giáo viên đạt chuẩn là 44/51 đạt tỷ lệ 86,3%

Năm học 2022-2023: Số giáo viên đạt chuẩn là 50/51 đạt tỷ lệ 98,1%

Năm học 2023-2024: Số giáo viên đạt chuẩn là 50/51 đạt tỷ lệ 98,1%

[H38-2.2-01]; [H37-2.2-02].

b) Trong 4 năm liên tiếp, 100% giáo viên đều được hiệu trưởng đánh giá từ Đạt trở lên theo đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, năm học 2023-2024 có 1 giáo viên được đánh giá chưa đạt chuẩn **[H37-2.2-02]**, cụ thể

Năm học	Tổng số GV	Tốt (SL/Tỷ lệ)	Khá (SL/Tỷ lệ)	Đạt (SL/Tỷ lệ)	Chưa đạt (SL/Tỷ lệ)
2019-2020	51	11 21,15%	37 71,15%	3 5,78%	/
2021-2022	51	43 84,31	7 13,73%	1 1,96%	/
2023-2024	51	49 96,08%	1 1,96%	/	1 1,96%

c) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên đăng ký tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh; GVCN khối 9 được phân công dạy hướng nghiệp, thực hiện công tác tư vấn hướng học, tư vấn hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THPT; tất cả giáo viên đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Nhà trường phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia đầy đủ các Hội thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật cấp huyện, tỉnh. Trong 4 năm liên tiếp nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật, năm học 2023-2024 có 1 giáo viên bị kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo **[H36-2.2-03]; [H39-2.2-04];**

Mức 3:

a) Căn cứ kết quả đánh giá phân loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên trong 05 năm, nhà trường có trên 98% giáo viên của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Trong năm học 2023-2024, nhà trường có 98,04% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, trong đó có 96,08% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt **[H37-2.2-02];**

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có nhiều giáo viên tham gia viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và được hội đồng chấm sáng kiến cấp huyện công nhận [H40-2.2-05]

Năm học	Số sáng kiến được công nhận cấp huyện	Số sáng kiến được công nhận cấp tỉnh	Ghi chú
2019-2020	20	1	
2020-2021	19		
2021-2022	21		
2022-2023	19	1	
2023-2024	20		

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cơ cấu đồng bộ, tỷ lệ đạt chuẩn cao (trên 98%). Tập thể giáo viên đoàn kết, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn vững vàng, yêu nghề và có trách nhiệm cao trong công việc;

100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp loại Đạt trở lên; 100% giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

3. Điểm yếu

Trường còn 01 giáo viên chưa đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo theo qui định (đang học đại học).

Năng lực chuyên môn giáo viên không đồng đều. Năm học 2023-2024 có một giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp xếp loại Chưa đạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Lãnh đạo nhà trường động viên và tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp học nâng chuẩn hoàn thành chương trình.	Giáo viên	Theo lịch học của giáo viên	Trong năm học 2024-2025	Cá nhân tự túc

Phân công giáo viên thường xuyên dự giờ tư vấn hỗ trợ giáo viên chưa đạt chuẩn để nâng cao năng lực dạy học và phát triển bản thân.	Lãnh đạo, Tổ trưởng chuyên môn	Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường và của tổ chuyên môn	Trong năm học 2024-2025	Không
---	--------------------------------	---	-------------------------	-------

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thư viện và 3 nhân viên hợp đồng lao động (1 NV phục vụ và 2 NV bảo vệ), số lượng nhân viên chưa đủ theo biên chế được giao **[H38-2.3-01]**;

b) Các nhân viên được phân công đúng chuyên môn và phù hợp năng lực: nhân viên phụ trách thư viện tổ chức giới thiệu sách, cho mượn sách báo, tài liệu tham khảo; nhân viên kế toán thực hiện công tác tài chính trong nhà trường, kịp thời tham mưu với hiệu trưởng việc thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên, nhân viên, thực hiện các báo cáo tài chính, giúp hiệu trưởng quản lý hiệu quả các nguồn kinh phí hiện có; nhân viên bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ CSVC, tài sản, an ninh, trật tự nhà trường; nhân viên văn thư thực hiện các công việc về soạn thảo, quản lý văn bản và tài liệu khác hình thành trong cơ quan, quản lý và sử dụng con dấu; nhân viên thiết bị (kiêm nhiệm) sắp xếp khoa học, hệ thống các thiết bị dạy học theo chương trình môn học, bảo dưỡng hoặc đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học [H38-2.3-02]; [H21-1.7-03].

c) Tất cả nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm, tinh thần học tập nâng cao tay nghề và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Không có trường hợp nhân viên vi phạm kỷ luật. Hàng năm, tất cả nhân viên đều được đánh giá từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H36-2.2-03];

Mức 2:

a) Trường có tất cả 3 nhân viên (1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư, 1 nhân viên thư viện) và 3 hợp đồng lao động (1 nhân viên phục vụ và 2 nhân viên bảo vệ), so với biên chế được giao trường còn thiếu 2 nhân viên thiết bị [H21-1.7-03]; [H38-2.3-01];

b) Trong 05 năm liên tục, tất cả nhân viên đều được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Không có nhân viên bị xử lý kỷ luật [H36-2.2-03]

Mức 3:

a) Nhân viên văn thư và nhân viên thư viện có trình độ đáp ứng được vị trí việc làm, nhân viên kế toán có bằng trung cấp kế toán, chưa đạt chuẩn theo vị trí việc làm [H38-2.3-01].

b) Hằng năm, nhân viên nhà trường đều được cử tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: Nhân viên kế toán tham gia tập huấn các hướng dẫn dự toán, thu chi ngân sách, tập huấn phần mềm quản lý tài chính, tài sản; nhân viên thư viện được cử tập huấn tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện do thư viện tỉnh tổ chức [H38-2.3-03].

2. Điểm mạnh

Nhân viên văn thư có trình độ đại học, nhân viên thư viện có trình độ cao đẳng đáp ứng nhu cầu công việc được giao; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc;

Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế

độ, chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Số lượng nhân viên chưa đủ về số lượng theo biên chế giao (thiếu 2 nhân viên thiết bị);

Nhân viên kế toán có trình độ trung cấp chưa tham gia lớp nâng cao trình độ theo quy định;

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Lập danh sách cử nhân viên tham gia các lớp, khóa bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ	Hiệu trưởng	Lập tờ trình	Trong năm học 2024-2025	Không
Động viên và tạo điều kiện nhân viên kế toán học nâng cao trình độ chuyên môn	Hiệu trưởng	Tiếp xúc động viên	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng*Mức 1:*

a) Trong các năm học qua, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh vào lớp 6 đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định của Điều 33 Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và theo hướng dẫn tuyển sinh của Phòng GD&ĐT, không có trường hợp học sinh học trước tuổi **[H41-2.4-01]** **[H13-1.5-02]**;

b) Vào đầu mỗi năm học, nhà trường ban hành các quy định về nội quy, nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục cho học sinh thực hiện, tổ chức cho học sinh học tập nội quy nhà trường nghiêm túc. Đa số học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường; thực hiện nghiêm túc nội quy nhà trường; ngôn ngữ ứng xử đúng mực với thầy cô, bạn bè trong mọi lúc, mọi nơi theo Điều 36 và Điều 37 của Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. **[H14-1.5-03]**; **[H42-2.4-02]**; **[H43-2.4-03]**.

c) Toàn bộ học sinh trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của pháp luật như: được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện; được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động do nhà trường, địa phương tổ chức nhằm phát triển năng khiếu về các môn học thể thao, nghệ thuật; giáo dục kỹ năng sống; ... **[H7-1.3-05]**; **[H61-5.4-02]**.

Mức 2:

Trong công tác giáo dục học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện, GVCN phối hợp với giáo viên bộ môn, tổng phụ trách để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi chưa tốt của học sinh như: mâu thuẫn, sử dụng điện thoại trong giờ học khi chưa được giáo viên cho phép, không đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, sử dụng facebook nói xấu bạn, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổng phụ trách, GVCN đã phối hợp với Ban đại diện CMHS tuyên

truyền nhắc nhở để các em nhận thức được hành vi không đúng. Từ đó hướng dẫn học sinh biện pháp khắc phục sửa chữa để ngày càng trưởng thành hơn [H14-1.5-03]; [H1-1.1-04]; [H35-1.10-04].

Mức 3:

Chất lượng hai mặt giáo dục nhà trường ngày một nâng cao. Học sinh giỏi các cấp, học sinh có đạo đức tốt, những tấm gương người tốt việc tốt luôn là tấm gương sáng cho bạn trong lớp và học sinh toàn trường noi theo, góp phần tạo động lực thi đua học tập tốt, rèn luyện đạo đức tốt trong nhà trường [H13-1.5-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Học sinh của nhà trường có độ tuổi đúng quy định. Đa số các em đều cố gắng trong học tập và rèn luyện đạo đức. Nhiều học sinh có thành tích cao trong học tập và phong trào luôn là tấm gương sáng cho các bạn noi theo và là động lực giúp giáo viên phấn đấu hơn trong giảng dạy;

Học sinh của nhà trường được hưởng đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều 35, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của pháp luật. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho học sinh thể hiện quyền của mình khi đến trường theo đúng quy định và hướng học sinh đến những hành vi ứng xử văn hóa.

3. Điểm yếu

Do tác động của môi trường xã hội, điều kiện hoàn cảnh một số gia đình còn khó khăn, một số gia đình ít quan tâm nên một bộ phận nhỏ học sinh vẫn còn vi phạm nội quy của lớp, trường và bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng phân công GVCN cùng Tổng phụ trách và tổ tư vấn tâm lý học đường tổ chức tìm hiểu về những học sinh chưa ngoan để có biện pháp giáo dục các em đạt hiệu quả hơn. GVCN tạo mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã	Giáo viên chủ nhiệm	Trong tiết sinh hoạt lớp	Trong năm học 2024-2025	Không

hội trong việc hình thành nhân cách cho học sinh.				
Giáo viên làm công tác Đoàn – Đội tổ chức nhiều mô hình, nhiều phong trào vui chơi tập thể để tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh giúp các em ham thích đến trường, đặc biệt là hạn chế học sinh bỏ học trong năm học 2024 - 2025 làm tiền đề cho những năm học tiếp theo	GVCN lớp và TPT đội	Tổng phụ trách đội xây dựng kế hoạch trình hiệu trưởng phê duyệt	Trong năm học 2024-2025	5.000.000

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Trong những năm học qua, dù còn nhiều khó khăn, Hội đồng sư phạm trường vẫn cố gắng nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đoàn kết, thẳng thắn trong đấu tranh xây dựng để trường ngày càng vững chắc đi lên. Đảm bảo thực hiện đúng đủ quyền và lợi ích của học sinh;

Số lượng học sinh của trường tăng theo từng năm, giáo viên ít biến động, đảm bảo đủ để giảng dạy các môn bắt buộc, làm công tác chủ nhiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo viên hầu hết đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn đào tạo. Biên chế giáo viên của trường phù hợp với quy mô học sinh, lớp và đặc điểm tình hình giáo dục của địa phương.

Trường đảm bảo các quyền của học sinh theo quy định của Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

Đa số học sinh ngoan, chăm học, có đội ngũ học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh tuy nhiên số lượng và chất lượng chưa đảm bảo.

Bên cạnh những ưu điểm đó nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: Không có nhân viên làm y tế nên chưa chủ động trong công việc, một số ít học sinh còn ham chơi chưa thực sự có ý thức thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong nhà trường. Một vài chỉ số tuy được đánh giá đạt yêu cầu song cũng còn những bất cập vì tính ổn định chưa cao;

Một số cha, mẹ học sinh không quan tâm, đầu tư cho việc học hành của con em.

+ Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4 tỷ lệ: 100%

+ Số tiêu chí đạt mức độ 2: 4/4 tỷ lệ: 100%

+ Số tiêu chí đạt mức độ 3: 2/4 tỷ lệ : 50%

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học:

Mở đầu:

Trường được quy hoạch hợp lý, có khuôn viên riêng biệt, tường rào, cổng trường, biển trường, đủ các công trình khác và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp; có kế hoạch sửa chữa bổ sung nâng cấp kịp thời, đảm bảo phục vụ cho các hoạt động của trường.

Phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, đủ để học sinh học hai ca trong một ngày; bên trong đủ bàn ghế giáo viên, học sinh phù hợp với tầm vóc, có bảng viết và đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m^2 /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m^2 /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích $19.197,4\text{ m}^2$, bình quân $17,12\text{ m}^2$ / học sinh, có cây xanh bóng mát, sân trường sạch, đẹp, thoáng mát, tận dụng không gian sân trường bố trí bàn ghế đá làm khu đọc sách, chơi cờ, ăn uống khi được nghỉ giải lao, ăn sáng cho học sinh gần khu hiệu bộ, đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp [H44-3.1-01]; [H44-3.1-02].

b) Trường có một cổng chính được xây dựng kiên cố, rộng lớn thuận tiện cho việc vào giờ học và giờ về của học sinh. Trường có biển tên trường cao và đẹp thể hiện đầy đủ các thông tin của nhà trường. Trường có tường rào xây bao quanh khuôn viên chiều cao hơn 1.5 mét, ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an ninh, an toàn trong việc bảo vệ tài sản nhà trường và quản lý học sinh [H44-3.1-01]; [H44-3.1-02];

c) Nhà trường có bố trí các vị trí sân chơi, tập luyện cho các môn thể thao như đường chạy, sân cầu lông, hố nhảy xa, nhảy cao, sân đá cầu, võ thuật,... Sân TDTT được thiết kế theo quy định hiện hành nằm trong khuôn viên trường đảm bảo an toàn, có các dụng cụ, thiết bị vận động phục vụ cho hoạt động TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H44-3.1-01]; [H44-3.1-02]; [H44-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục ngoài trời như: sinh hoạt đầu tuần, các buổi lễ khai giảng, lễ tổng kết, sinh hoạt truyền thống... Sân thể thao, bãi tập đảm bảo cho việc giảng dạy môn thể dục và tổ chức các hoạt động TDTT an toàn cho học sinh. Ở sân chơi có bố trí 2 trụ bóng rổ, 2 sân cầu lông, 1 sân đá cầu, 1 sân bóng chuyền, các bàn ghế đá có vẽ bàn cờ vua, cờ tướng phục vụ nhu cầu vui chơi của học sinh [H44-3.1-01]; [H44-3.1-02]; [H44-3.1-03]; [H7-1.3-05].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích sử dụng theo quyết định giao đất $19.197,4\text{m}^2$. Khu sân chơi và bãi tập có diện tích là $601,9\text{m}^2$ bằng 31,35% tổng diện tích sử dụng của trường. Hằng năm, nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng, trên cơ sở đó đã điều chỉnh, nâng cấp CSVC hiện có, nâng cao hiệu quả sử dụng

và đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục của trường [H44-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích, khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường, hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập rộng rãi đảm bảo theo quy định của Điều lệ; có cây xanh thoáng mát luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “Xanh - Sạch - Đẹp”. Được sửa chữa kịp thời khi cổng trường, biển tên có dấu hiệu hư hỏng.

3. Điểm yếu

Trường chưa có nhà đa năng theo yêu cầu tiêu chuẩn CSVN mức độ 2 của thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 Ban hành quy định tiêu chuẩn CSVN các trường mầm non, tiểu học, THCS, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng tham mưu với Phòng GD&ĐT, UBND huyện Long Điền xin chủ trương đầu tư kinh phí xây dựng nhà đa năng để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu sinh hoạt, học tập của học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.	Hiệu trưởng	Lập tờ trình tham mưu	Tháng 12/2024	Theo dự toán

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-

Đạt	Đạt	Đạt
-----	-----	-----

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các phòng học được trang bị bàn ghế 2 chỗ ngồi chất liệu bằng gỗ, gỗ ép có chất lượng tương đối, màu sắc thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi học sinh trung học cơ sở, đủ cho 1121 HS ngồi học, mỗi phòng học đều có 1 bộ bàn ghế giáo viên, 1 bảng xanh chống lóa, các thiết bị chiếu sáng, quạt mát đúng quy cách ở lớp học, đảm bảo theo yêu cầu của Thông tư liên tịch số 13/2019/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT về tiêu chuẩn bàn ghế học sinh [H45-3.2-01].

b) Trường có đủ các phòng học bộ môn thí nghiệm thực hành: 2 phòng KHTN, 1 phòng KHXH, 2 phòng tin học, 1 phòng Ngoại ngữ (được ghép chung với phòng tin học), 1 phòng Công nghệ, 1 phòng Âm nhạc-Mỹ thuật, phòng đa chức năng, đạt theo tiêu chuẩn quy định về phòng học bộ môn ban hành theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo. Tất cả các phòng bộ môn đều có bảng tên trước cửa phòng [H45-3.2-01];

c) Trường có 1 phòng Đoàn-Đội; 1 phòng truyền thống lưu giữ hình ảnh hoạt động của nhà trường, giấy khen, cờ lưu niệm của nhà trường, 1 phòng thư viện, ngoài ra trường còn tổ chức thư viện tại các lớp học, tận dụng không gian

sân trường tổ chức thư viện xanh, tạo không gian đọc sách gần gũi với thiên nhiên cho học sinh và giáo viên [H45-3.2-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 24 phòng học và 6 phòng bộ môn. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2024 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo; tổng diện tích mỗi phòng bộ môn lớn hơn 60m² đảm bảo theo quy định; tất cả các phòng bộ môn đều có hệ thống chiếu sáng và quạt mát, riêng phòng bộ môn khoa học tự nhiên có hệ thống chậu rửa, vòi nước và đường thoát nước [H45-3.2-01];

b) Khối phục vụ học tập nhà trường gồm: 1 phòng Đoàn-Đội, 1 phòng truyền thống, 1 phòng thư viện, 1 phòng thiết bị giáo dục, 1 phòng tư vấn học đường. Các phòng đều được trang bị hệ thống đèn chiếu sáng, quạt mát, cửa sổ thông thoáng [H45-3.2-01].

Mức 3

Ở mỗi phòng học nhà trường có trang bị kệ sách tạo cho học sinh không gian đọc sách tại lớp, các kệ sách được trang bị với nhiều chủ đề đa dạng như sách đạo đức, giáo dục giới tính, sách khoa học,... Phòng học được trang trí bằng cây xanh, tranh vẽ. Các phòng học khối 6 và khối 7 được lắp tivi để phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục tại lớp. Các phòng bộ môn được trang bị đủ các thiết bị dạy theo quy định, kế bên phòng bộ môn có các kho để phục vụ cho việc lưu giữ thiết bị dạy học [H45-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Lãnh đạo nhà trường đã linh động sắp xếp đủ phòng học, phòng bộ môn, phòng phục vụ học tập đạt chuẩn tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, bàn ghế học sinh đảm bảo quy định, số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định, phòng học đảm bảo đủ các trang thiết bị phục vụ hoạt động học tập và giảng dạy.

3. Điểm yếu

Ý thức bảo vệ tài sản công của học sinh chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

Tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn tài sản, bảo quản các thiết bị, đồ dùng học tập cho học sinh	TPT, Giáo viên chủ nhiệm lớp	Tuyên truyền giáo dục trên lớp và sinh hoạt dưới cờ	Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ và trong các buổi sinh hoạt lớp theo chủ điểm	Không
---	------------------------------	---	--	-------

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị của nhà trường gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng văn phòng, 01 phòng bảo vệ, 02 khu vệ sinh CB-GV-NV nam, nữ riêng biệt, 01 khu để xe CB-GV-NV, 01 phòng họp toàn thể CB-GV-NV; 07 phòng các tổ chuyên môn (02 phòng riêng biệt, 05 phòng ghép), 01 phòng nghỉ giáo viên, 01 phòng y tế, 01 nhà kho, 01 phòng tổ

chức Đảng và Đoàn thể đảm bảo đúng theo hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường, các phòng được trang bị đầy đủ các thiết bị, đủ số lượng, đáp ứng được yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H44-3.1-01]; [H45-3.3-01].

b) Trường có 01 nhà để xe cho giáo viên có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường và 01 nhà để xe cho học sinh, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự [H44-3.1-01]; [H45-3.3-01];

c) Nhà trường có lập tờ trình xin sửa chữa và bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị, cụ thể trong năm học 2021-2022 trường đã được UBND huyện phê duyệt sửa chữa và sơn mới lại toàn bộ trường [H16-1.6-02]; [H17-1.6-03] [H45-3.3-02];

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng thuộc khối hành chính - quản trị, được trang bị đầy đủ thiết bị theo quy định. Phòng bảo vệ đặt ngay cổng có trang bị các trang thiết bị cần thiết đảm bảo cho bảo vệ phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường. Phòng y tế của nhà trường được trang bị đầy đủ các trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, có danh mục các thiết bị y tế đảm bảo theo quy định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế về ban hành danh mục trang thiết bị y tế, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Nhà trường không có bếp ăn, căn tin [H45-3.3-01];

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị nhà trường có đầy đủ các thiết bị như máy vi tính kết nối Internet, máy in, máy photocopy, máy scan,... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H16-1.6-02]; [H17-1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị; trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học, có phòng truyền thống lưu trữ một số hình ảnh, thành tích của nhà trường;

Có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đảm bảo đủ chỗ cho cán bộ giáo viên.

3. Điểm yếu

Trang thiết bị một số phòng chức năng xuống cấp (điện, quạt,...), một vài phòng diện tích nhỏ hơn so với quy định như phòng thư viện.

Diện tích mái che chỗ để xe học sinh quá nhỏ không đáp ứng được số lượng xe của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Sửa chữa, thay thế một số thiết bị điện, quạt ở các phòng học, phòng bộ môn	Nhân viên thuê mướn	GVCN và nhân viên phụ trách phòng bộ môn đề xuất hiệu trưởng	Tháng 08/2024	12.000.000đ
Mở rộng nhà để xe học sinh	Hiệu trưởng	Lập tờ trình gửi PGD, UBND huyện	Trong năm học 2024-2025	Theo dự toán

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H24-3.4-03]

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hệ thống nhà vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam và nữ, nhà vệ sinh được xây dựng tại đầu mỗi dãy phòng học, khu hành chính gồm: 02 khu nhà vệ sinh cho giáo viên. Nhà vệ sinh giáo viên đối với nam có 04 bệ tiểu/14 người, 04 chậu xí/14 người, 02 chậu rửa tay/04 chậu xí; đối với nữ 04 chậu xí/38 người, 02 chậu rửa tay/04 chậu xí; nhà vệ sinh học sinh đối với nam đảm bảo 01 bệ tiểu nam, 01 chậu xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh trong buổi học, có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ đảm bảo 01 chậu xí cho 20 học sinh và 01 chậu rửa cho 20 học sinh trong buổi học, được nhân viên tạp vụ dọn dẹp vệ sinh từng buổi học đảm bảo sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường [H45-3.4-01];

b) Trường có hệ thống công thoát nước ngầm trước và sau các dãy phòng, nên không gây ngập úng khuôn viên trường khi trời mưa to. Nhà trường sử dụng nguồn nước sinh hoạt do công ty cấp nước BWACO chi nhánh Phước Hưng, Long Điền cung cấp đảm bảo các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành. Riêng nước uống, nhà trường sử dụng hệ thống lọc nước do UBND huyện cấp được cơ quan y tế kiểm tra và đánh giá đạt yêu cầu [H45-3.4-02].

c) Khu thu gom rác được bố trí độc lập cách xa khỏi các phòng chức năng thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển rác, học sinh các lớp tự làm vệ sinh khu vực phòng học và gom rác vào các thùng rác lớn của trường. Sau mỗi buổi học, nhân viên bảo vệ kết hợp với nhân viên tạp vụ chuyển rác tập kết tại thùng rác công cộng đặt phía trước trường, để xe của công ty thu gom và xử lý rác thải mỗi ngày đảm bảo vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ [H45-3.4-03].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh cho GV-HS được xây dựng phù hợp với cảnh quan theo quy định như bố trí tại vị trí - hướng phù hợp với cảnh quan khu vực xung quanh, thiết kế phân khu chức năng rõ ràng giữa nam và nữ, phòng vệ sinh được thiết kế có chốt cài bên trong đảm bảo sự riêng tư, không gian đủ rộng để đảm bảo sử dụng thuận tiện. Tất cả nhà vệ sinh đều có các bồn nước rửa tay, trang bị xà phòng diệt khuẩn, cây xanh [H45-3.4-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác thải đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế. Cụ thể: trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa và nước thải nên không gây ngập úng khuôn viên trường. Nguồn nước sinh hoạt cho CB-GV-NV và học sinh sử dụng nguồn nước máy do công ty cấp nước BWACO Bà Rịa – Vũng Tàu cung cấp. Riêng nước uống nhà trường dùng nước uống tại hệ thống lọc nước được UBND huyện Long Điền cấp có chứng nhận đạt tiêu chuẩn nước uống cho giáo viên và học sinh sử dụng. Việc thu gom và xử lý rác được thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường luôn sạch sẽ [H45-3.4-02]; [H45-3.4-03]; [H45-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vực vệ sinh riêng biệt cho giáo viên và học sinh. Mỗi khu vực nhà vệ sinh được chia ra từng khu dành riêng cho nam và nữ, số lượng phòng vệ sinh đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng. Các nhà vệ sinh đều có bồn rửa tay, xà phòng, cây xanh và được làm vệ sinh sau mỗi buổi đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường;

Trường có hệ thống cống thoát nước đầy đủ không gây ngập úng. Hệ thống nước sạch luôn đảm bảo đầy đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng.

Ý thức bảo quản, giữ gìn vệ sinh chung của CB-GV-NV rất tốt, từ đó tạo cho cảnh quan nhà trường luôn sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Dịch vụ thu gom rác thải chưa được thực hiện đều đặn hàng ngày.

Một bộ phận nhỏ học sinh chưa có ý thức trong việc tiết kiệm nước khi sử dụng như: không khóa nước cẩn thận sau khi sử dụng, làm hư hỏng các vòi nước dẫn đến rò rỉ gây lãng phí nước.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện
Liên hệ với dịch vụ thu gom rác thải hoặc chính quyền địa phương đảm bảo rác thải phải được thu gom hàng ngày	Hiệu trưởng	Liên hệ ngay nếu rác chưa được thu gom hàng ngày	Thường xuyên trong năm học
Hiệu trưởng chỉ đạo GV giáo dục lòng ghép cho học sinh trong việc sử dụng tiết kiệm nguồn điện, nước, biết giữ gìn tài sản chung của nhà trường	Hiệu trưởng, TPT đội	Sinh hoạt dưới cờ, SHL	Không

<p>để được sử dụng lâu dài qua các tiết dạy. Tổng phụ trách nhắc nhở trong sinh hoạt dưới cờ về ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn điện, nước, biết giữ gìn tài sản chung của nhà trường đồng thời kết hợp với đoàn thanh niên kiểm tra định kì kịp thời phát hiện và xử lý những học sinh vi phạm</p>			
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các thiết bị phục vụ công việc văn phòng, cụ thể: có 6 máy vi tính, 3 máy in, 1 máy photo copy (thuê mượn), tủ đựng tài liệu, bàn làm việc, các thiết bị phục vụ khác được đáp ứng kịp thời và đầy đủ **[H17-1.6-03]; [H46-3.5-02];**

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho công tác giảng dạy gồm các thiết bị được cấp và thiết bị nhà trường tự mua sắm. Các thiết bị đều được lưu giữ bảo quản ở các phòng chức năng, phòng thiết bị và được gắn cố định ở một số phòng học. Tất cả các thiết bị, đồ dùng đều được ghi vào sổ quản lý tài sản, công cụ dụng cụ để thuận tiện hơn trong việc quản lý. Năm học 2023-2024 nhà trường được trang bị thiết bị dạy học lớp 6, 7 theo chương trình GDPT 2018. Trường có 03 máy projector, 14 tivi thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Đa số giáo viên đều biết sử dụng và khai thác có hiệu quả. Số máy tính phục vụ dạy học của nhà trường là 93 máy. Các thiết bị dạy học được cấp hiện có đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định **[H17-1.6-03]; [H46-3.5-02]; [H46-3.5-05].**

c) Mỗi năm học, Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị trường học nhằm tăng cường việc bảo quản thiết bị, đồ dùng dạy học như quy định trách nhiệm cho nhân viên thiết bị, giáo viên bộ môn khi sử dụng trang thiết bị,... Việc tiến hành kiểm kê tài sản, thiết bị được thực hiện 01 lần/năm, từ đó có kế hoạch bổ sung, tu sửa kịp thời đảm bảo cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập **[H16-1.6-02]; [H46-3.5-01].**

Mức 2:

a) Trường hiện có 06 máy tính để bàn bố trí ở các phòng làm việc khối phòng hành chính - quản trị; 93 máy tại 02 phòng thực hành Tin học. Tất cả máy tính của trường đều được kết nối Internet để phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Hiện trường có 3 đường truyền Internet (2VNPT, 1 Viettel) **[H17-1.6-03]; [H46-3.5-04];**

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định gồm các thiết bị được cấp và thiết bị nhà trường tự mua sắm để phục vụ cho công tác giảng dạy. Tất cả thiết bị đều được lưu giữ bảo quản ở các phòng bộ môn, phòng thiết bị và được gắn cố định ở một số phòng học. Các thiết bị được giáo viên khai thác sử dụng thường xuyên, hiệu quả **[H46-3.5-05].**

c) Mỗi năm học nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản, thiết bị 01 lần để có kế hoạch bổ sung, tu sửa kịp thời đảm bảo cho việc dạy và học. Nhà trường

khuyến khích giáo viên làm thêm đồ dùng dạy học để sử dụng cho các tiết dạy trên lớp [H46-3.5-03]; [H46-3.5-05]; [H46-3.5-06].

Mức 3:

Thiết bị dạy học được cấp và tự làm được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong đó có một số thiết bị hiện đại, nhiều chức năng phục vụ cho giảng dạy nhiều môn như Tivi kết nối Internet, máy chiếu được giáo viên khai thác sử dụng tốt. Hầu hết các tiết thao giảng dự giờ giáo viên đều sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho tiết dạy [H17-1.6-03]; [H46-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ GD&ĐT. Giáo viên thường xuyên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học trên lớp để tăng hiệu quả tiết dạy. Đa số giáo viên khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đạt hiệu quả. Nhà trường tổ chức quản lý tốt thiết bị dạy học đúng quy định, thực hiện kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hằng năm;

Trường đã được trang bị thiết bị dạy học lớp 6, 7 theo chương trình GDPT 2018; đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh lớp 6, 7.

3. Điểm yếu

Do đặc điểm trường gần biển nên máy móc dễ hư hỏng ảnh hưởng đến sự hoạt động của máy móc; Một số thiết bị hư hỏng, kém chất lượng nhà trường chưa kịp thời thanh lý;

Giáo viên tự làm đồ dùng dạy học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiến hành thanh lý các đồ dùng hư hỏng, kém chất lượng và bổ sung các thiết bị cần thiết để phục vụ cho công tác giảng dạy.	Lãnh đạo, NVTB	Lập danh mục đồ dùng thanh lý	Trong năm học 2024-2025	Không

Phát động các hoạt động làm đồ dùng dạy học, học tập đối với giáo viên và học sinh nhằm phục vụ tốt cho các hoạt động dạy và học của nhà trường.	Lãnh đạo trường	Phát động trong các buổi họp giao ban, sinh hoạt chuyên môn; trong các tiết học của HS	Trong năm học 2024-2025	4.000.000
--	-----------------	--	-------------------------	-----------

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có thư viện riêng, bố trí chỗ ngồi đọc sách cho học sinh và giáo viên. Thư viện trường có đầy đủ các danh mục sách tối thiểu theo quy định. Thư

viện có sách tham khảo nhiều thể loại, tài liệu tham khảo, báo, sách truyện thiếu nhi... được sắp xếp trên kệ và trong tủ kính cùng với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động giáo dục nhà trường và hàng năm luôn được bổ sung [H47-3.6-01], [H47-3.6-02].

b) Phòng thư viện hoạt động suốt từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần, đảm bảo việc tìm hiểu, nghiên cứu sách báo, tài liệu phục vụ cho việc dạy và học của CB-GV-NV và học sinh. Cán bộ thư viện tổ chức tốt cho giáo viên, học sinh mượn sách và sử dụng sách giáo khoa, sách tham khảo thường xuyên trong năm học. Có tổ chức các hoạt động như: vận động học sinh tặng sách, ngày hội đọc sách, thư viện ngoài trời để thu hút học sinh tham gia đọc sách [H47-3.6-02].

c) Hằng năm thư viện đều thực hiện kiểm kê sách, báo, tạp chí. Thanh lý các loại sách không phù hợp, đồng thời lập kế hoạch bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục để bổ sung kịp thời đầy đủ nguồn tài liệu tại thư viện [H47-3.6-02]. Số liệu bổ sung mua sắm các năm học:

Năm học	Tổng số quyển	Tổng số tiền (VNĐ)	Ghi chú
2019-2020	50	3.845.000	
2021-2022	38	933.000	
2023-2024	118	10.657.000	
2024-2025	427	15.684.000	

Mức 2:

Thư viện trường học đạt chuẩn mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Thư viện được trang bị 4 máy vi tính có kết nối internet phục vụ cho học sinh và giáo viên tra cứu học liệu trực tuyến [H47-3.6-01];

Mức 3:

Đầu năm học 2024-2025, nhà trường được công nhận thư viện đạt chuẩn mức độ 1 theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Thư viện được trang bị 4 máy vi tính đều có kết nối mạng dành cho giáo viên, học sinh đến tra cứu thông tin [H47-3.6-01], [H47-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đa dạng các loại sách tham khảo phục vụ cho giáo viên, nhân viên và học sinh; có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cán bộ thư viện đúng theo quy định. Thư viện thường xuyên mở cửa đảm bảo cho việc mượn tài liệu phục vụ việc dạy và học;

Phong trào đọc sách, báo tạp chí trong trường đã được phát động, duy trì nhiều năm.

3. Điểm yếu

Số lượng sách mua sắm bổ sung cho thư viện hằng năm chưa nhiều. Diện tích phòng đọc tại thư viện trường chưa đảm bảo, số lượng học sinh đọc sách chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bổ sung các loại sách theo chương trình GDPT 2018 có lộ trình rõ ràng	Hiệu trưởng, Nhân viên thư viện	Lập danh mục, Đề xuất Hiệu trưởng bổ sung các loại sách theo chương trình GDPT 2018	Trong năm học 2024-2025	20.000.000
Lập kế hoạch tổ chức Thư viện lớp em, mỗi lớp có một kệ sách phục vụ cho học sinh đọc tại lớp. Xây dựng thư viện xanh ở những nơi có cây xanh bóng mát	Nhân viên thư viện	Xây dựng kế hoạch trình hiệu trưởng phê duyệt	Trong năm học 2024-2025	Các lớp vận động mạnh thường quân ủng hộ
Hiệu trưởng cam kết với PGD&ĐT huyện xây dựng kế hoạch và hoàn thành thư viện đạt chuẩn mức độ 1 theo Thông tư 16	Hiệu trưởng	Bản cam kết	Trong năm học 2024-2025	20.000.000

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ được UBND tỉnh công nhận Trường trung học đạt chuẩn quốc gia năm 2019.

Trường có đủ hệ thống các phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng; bàn ghế học sinh đạt chuẩn đúng qui cách phù hợp lứa tuổi học sinh trung học cơ sở, đủ bảng chống lóa, bảng hiệu đảm bảo cho việc dạy và học.

Đảm bảo đầy đủ khối phòng phục vụ học tập, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Lãnh đạo nhà trường và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường cùng các giáo viên luôn luôn giáo dục các em học sinh giữ gìn vệ sinh môi trường chung, xây dựng tốt nề nếp tự giác giữ gìn vệ sinh, cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp.

Bên cạnh những ưu điểm đó, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn cần khắc phục như: cơ sở vật chất xây dựng mau xuống cấp do trường nằm trên khu vực được bao quanh là nước mặn, trang thiết bị mua sắm mau hư hỏng,... vì vậy, một số hạng mục đang trên đà xuống cấp, lạc hậu nên gặp nhiều khó khăn trong các hoạt động. Hệ thống sân bãi thể dục chưa được hoàn thiện, vẫn còn nền móng sát mặt đất.

- Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 06/06 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%
- Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 06/06 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%
- Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 03/05 tiêu chí; Tỷ lệ: 60%

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động. Nhà trường đã chủ động

tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực phát triển nhà trường và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS của mỗi lớp và của nhà trường được thành lập vào đầu mỗi năm học do Hội nghị CMHS của lớp và của trường cử ra. Mỗi lớp có 01 Ban đại diện gồm 3 người, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 ủy viên. Trên cơ sở đó, hội nghị CMHS của trường cử ra Ban đại diện CMHS cấp trường, số lượng của Ban đại diện CMHS cấp trường tùy thuộc vào số lớp hằng năm. Trong năm học 2024-2025 Ban đại diện đã đề cử ông Nguyễn Thanh Khánh là trưởng ban đại diện CMHS của nhà trường. Ban đại diện CMHS của trường được tổ chức và hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm [**H48-4.1-01**];

b) Từ đầu mỗi năm học, căn cứ tình hình thực tế và mục tiêu nhiệm vụ năm học của trường, Ban đại diện CMHS lập kế hoạch hoạt động phù hợp, góp phần không nhỏ trong việc tổ chức các phong trào cho học sinh và phối hợp nhà trường giáo dục đạo đức học sinh **[H48-4.1-01]**.

c) Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ. Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp Ban đại diện CMHS của lớp và của trường ít nhất 03 lần vào đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để thống nhất kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện CMHS nhằm thúc đẩy sự quan tâm, phối hợp của Ban đại diện để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường, có sơ kết, tổng kết kết quả hoạt động trong năm học. Trong năm học 2021 – 2022 do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên nhà trường tổ chức các kì họp CMHS trực tuyến, nhà trường phân công GVCN các lớp thường xuyên liên lạc, trao đổi với gia đình học sinh qua điện thoại, Zalo nhóm, Google meet **[H48-4.1-01]**.

Mức 2:

Ban đại diện CMHS luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục như: Luật giáo dục sửa đổi, Chương trình giáo dục phổ thông 2018, quy định về việc dạy thêm học thêm...Tham gia hỗ trợ tốt với nhà trường trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, kết hợp với nhà trường tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh; tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh; động viên, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn,... **[H48-4.1-01]; [H49-4.1-02]**.

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS như: phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS trường; phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; phối hợp tổ chức các phong trào, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp, trao học bổng **[H48-4.1-01]; [H49-4.1-02]**.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS trường, lớp được thành lập từ đầu năm học đúng theo quy định với sự nhất trí cao của toàn thể CMHS;

Sự phối hợp của Ban đại diện CMHS trường, lớp với lãnh đạo nhà trường và GVCN đã góp phần khắc phục những khó khăn, đặc biệt là hỗ trợ kinh phí giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn góp phần đáng kể nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường trong nhiều năm qua.

3. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS của trường và lớp cùng nhà trường thực hiện công tác vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, tuy nhiên kết quả vận động chưa đạt kết quả tuyệt đối, trường vẫn còn học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng và giữ vững mối quan hệ giữa nhà trường, giáo viên chủ nhiệm và CMHS. Trao đổi, nắm bắt thông tin từ phía học sinh và CMHS để vận động kịp thời học sinh bỏ học ra lớp.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, GVCN	Trong các uộc họp CMHS. Liên lạc qua điện thoại	Thường xuyên	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục năm học và biện pháp cụ thể, các giải pháp phối hợp để phát triển, xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường vào dịp hè, trước khi khai giảng năm học mới như sơn mới các phòng học, xây các bồn hoa, làm sân bê tông, lát gạch, sửa chữa nhà vệ sinh, sửa chữa, bổ sung bàn ghế [H1-1.1-05]; [H24-1.8-01]; [H50-4.2-01];

b) Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường cho cha mẹ học sinh bằng nhiều hình thức như: các buổi họp CMHS, các buổi sinh hoạt dưới cờ, đăng tải thông tin thông qua các kênh như: Zalo, Facebook, trang web. [H7-1.3-05]; [H48-4.1-01];

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định; phối hợp với Ban đại diện CMHS, các mạnh thường quân, thông qua các tổ chức Ban ngành của địa phương hỗ trợ học bổng, tập sách cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn vào đầu mỗi năm học; khen thưởng động viên học sinh có thành tích tốt trong học tập vào cuối năm học, khen thưởng học sinh đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi, TDTT [H49-4.1-02]; [H1-1.1-05].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục và biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: tham mưu công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, tuyển sinh đầu cấp, công tác quy hoạch CBQL, phối hợp đảm bảo ANTT, ATGT, an toàn trường học, huy động học sinh bỏ học trở lại lớp. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05]; [H24-1.8-01]; [H41-2.4-01] ; [H35-1.10-03];

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường và địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, TDTT và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; dọn vệ sinh và tổ chức viếng Đền liệt sỹ xã Phước Hưng; hằng năm kết hợp với BCH Đoàn xã tham quan các khu di tích lịch sử trong và ngoài địa bàn huyện, tỉnh [H45-4.2-02].

Mức 3

Công tác tham mưu của nhà trường với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể có hiệu quả. Nhà trường luôn quan tâm phong trào xây dựng nếp sống văn minh và xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Lãnh đạo nhà trường tham mưu kịp thời với Đảng ủy và UBND xã Phước Hưng trong việc phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân, từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H50-4.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác phối hợp giáo dục học sinh và phát triển nhà trường. Trong đó công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm và hỗ trợ;

Nhà trường cũng phối hợp tốt với tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, thực hiện tốt các hoạt động giáo dục đề ra. Quan tâm tổ chức các hoạt động cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn để động viên các em đến lớp.

3. Điểm yếu

Sự quan tâm ủng hộ về vật chất cho các hoạt động của trường chỉ tập trung thường xuyên vào một số tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường, chưa đều khắp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-------------------------	-----------------	------------------------	---------------------	------------------

Nhân rộng các cá nhân và tập thể điển hình trong huy động các nguồn lực tự nguyện xây dựng nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Đăng tải lên các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook, trang web trường	Thường xuyên	Không
--	------------------------------	---	--------------	-------

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện CMHS trường và Ban đại diện CMHS các lớp được tổ chức hoạt động có hiệu quả, đúng theo Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành. Trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường. Đảng ủy, chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục. Làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, nhân dân địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh, nên đã xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh trong và ngoài nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động được sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục;

Bên cạnh những thuận lợi đó, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số thành viên trong Ban đại diện CMHS của lớp và của trường chưa thực sự nhiệt tình; một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến việc học tập của con em, một số học sinh vẫn chưa có ý thức cao đối với công tác xã hội,...

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 02/02 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 02/02 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 02/02 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Thực hiện nguyên lí giáo dục của Đảng “Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn”; thực hiện Điều 29, Luật Giáo dục 2019: Giáo dục trung học cơ sở nhằm củng cố và phát triển kết quả của giáo dục tiểu học; bảo đảm cho học sinh có học vấn phổ thông nền tảng, hiểu biết cần thiết tối thiểu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục nghề nghiệp; thực hiện nghiêm túc Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông. Từ Lãnh đạo đến các tổ chuyên môn đều có kế hoạch và biện pháp chỉ đạo cụ thể tới thầy cô giáo. Từ đó, giáo viên đã trực tiếp thực hiện công tác dạy và học, giúp học sinh nâng cao chất lượng học tập. Do vậy, 5 năm qua kết quả rèn luyện và học tập của học sinh đạt nhiều thành tích khả quan. Chất lượng chung về học lực cũng như kết quả học sinh giỏi đạt giải các bộ môn trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và chất lượng hạnh kiểm học sinh toàn trường luôn được ổn định. Bên cạnh đó, kết quả giáo dục thể chất, giáo dục hướng nghiệp cũng đạt khá cao. Thành tích này đã góp phần quan trọng để duy trì và phát triển những thành tích chung cho nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thời gian năm học theo quyết định của UBND tỉnh và sở giáo dục và đào tạo. Hàng năm Hiệu trưởng ký phê duyệt phân phối chương trình của từng môn học và ra quyết định ban hành phân phối chương trình của từng năm học **[H51-5.1-01]**. Ngay từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch nhà trường, chỉ đạo các tổ chuyên môn giáo viên tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học theo PPCT, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Năm học 2021-2022 do vừa học vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên khung thời gian năm học có điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Chương trình giảng dạy được tổ trưởng chuyên môn và Lãnh đạo trường kiểm tra định kỳ thông qua việc kiểm tra giáo án và sổ báo dạy của giáo viên **[H21-1.7-02]; [H25-1.8-02]; [H27-1.8-04]; [H52-5.1-02]**.

b) Nhà trường tổ chức các buổi bồi dưỡng chuyên môn đầu năm giúp giáo viên vận dụng các phương pháp giáo dục, phương pháp dạy học tích cực, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục theo qui định, giáo viên có kế hoạch bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm. Giáo viên và học sinh biết sử dụng hợp lý sách giáo khoa trong dạy và học, dạy học tích hợp, thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh. Lãnh đạo chỉ đạo giáo viên thường xuyên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên được thực hiện và trao đổi trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề của tổ chuyên môn, hoạt động bồi dưỡng học sinh phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm được thực hiện thường xuyên ở các nhóm lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, thông qua đó rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh **[H53-5.1-03]; [H11-1.4-03]**;

c) Học sinh được kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo Quy chế đánh giá và xếp loại học sinh của Bộ GD&ĐT. Các hình thức kiểm tra như thuyết trình, viết, thực hiện dự án, thực hành, hoạt động trải nghiệm... Riêng bài kiểm tra được biên soạn theo quy trình biên soạn đề và theo cấu trúc quy định của Hội đồng bộ môn. Việc kiểm tra đánh giá kết quả của học sinh đảm bảo

được tính khách quan và hiệu quả, giúp cho học sinh đánh giá được kết quả học tập của mình. Cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá, xây dựng ma trận đề kiểm tra đảm bảo 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao và tổ chức nhiều hình thức kiểm tra đánh giá, tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các tổ bộ môn có nhận định đề kiểm tra và bài làm học sinh, thống nhất trong tổ chuyên môn, báo cáo từng bộ môn về hoạt động cũng như thống kê chất lượng bộ môn cho Phòng Giáo dục mỗi học kỳ [H54-5.1-04]; [H55-5.1-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học của UBND Tỉnh phê duyệt. Đối với chương trình GDPT 2006, nhà trường thực hiện đầy đủ 14 môn học do Bộ GD&ĐT quy định: Toán, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật và Tin học. Từ năm học 2021-2022 nhà trường thực hiện dạy học theo chương trình GDPT 2018 bắt đầu ở khối lớp 6 các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử và Địa lý, Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Giáo dục công dân, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) và Tin học, HĐ TNHN, Nội dung giáo dục địa phương, tiếp tục ở những khối lớp tiếp theo theo lộ trình. Nhà trường cũng đã thực hiện đầy đủ nội dung các chương trình hướng nghiệp cho học sinh lớp 9, hoạt động NGLL, các hoạt động trải nghiệm. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên đã sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H25-1.8-02]; [H24-1.8-01]; [H51-5.1-01];

b) Đầu mỗi năm học, nhà trường phân công giáo viên tiến hành khảo sát chất lượng bộ môn để phân loại học sinh giỏi, yếu, kém, từ đó xây dựng kế hoạch và có các biện pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém, giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập [H13-1.5-01]; [H55-5.1-05]; [H57-5.2-01]; [H57-5.2-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục thông qua các buổi họp như: họp Lãnh đạo, họp liên tịch, họp Hội đồng trường, họp hội đồng sư phạm và Hội nghị viên chức, người lao động. Qua các buổi họp nhà trường đã phân tích chất lượng các mặt hoạt động giáo dục trong nhà trường, phân tích ưu điểm, hạn chế và đề ra các giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Riêng giáo viên cũng đã đúc kết cho mình nhiều kinh nghiệm qua từng năm giảng dạy, và đề ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của bộ môn [H1-1.1-05];

[H56-5.1-06].**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch thời gian năm học theo đúng quy định, thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông 2006 và chương trình GDPT 2018. Hiệu trưởng chỉ đạo và quản lý chặt chẽ công tác chuyên môn của nhà trường, luôn quan tâm và khuyến khích giáo viên nâng cao tinh thần tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng đến việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học.

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục hiệu quả. Các loại kế hoạch, hồ sơ thể hiện đầy đủ, đáp ứng yêu cầu. Qua mỗi học kỳ, năm học đều có kế hoạch rà soát và bổ sung, điều chỉnh kịp thời, từ đó chất lượng các mặt hoạt động giáo dục nhà trường đều được nâng lên và tạo được uy tín cho nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn được nhà trường quan tâm, tuy nhiên trong những năm qua tỷ lệ học sinh đạt học sinh giỏi các cấp của trường chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch tạo nguồn cho đội tuyển học sinh giỏi từ lớp 6,7,8. Có chế độ khen thưởng và tuyên dương kịp thời cho học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.	Lãnh đạo nhà trường, giáo viên dạy bồi dưỡng	Trong giảng dạy bồi dưỡng. Phối hợp với GVCN và cha mẹ học sinh	Trong năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học nhà trường tiến hành rà soát, lên danh sách các học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có học lực yếu, học sinh khuyết tật học hòa nhập, học sinh có năng khiếu để xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng đối tượng học sinh: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu, kế hoạch phụ đạo học sinh yếu, kém và vận động hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H57-5.2-01]; [H57-5.2-02]; [H58-5.2-03]; [H58-5.2-04].

b) Căn cứ vào kế hoạch trên, nhà trường đã tổ chức thực hiện đầy đủ các nội dung như: Tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém vào trung tuần tháng 9; thành lập các câu lạc bộ năng khiếu hoạt động hằng tháng và tổ chức tuyển chọn học sinh vào đội tuyển năng khiếu để tham gia các cuộc thi cấp huyện, tỉnh như thi giải bóng đá, cầu lông, bơi lội, cờ vua, cờ tướng, điền kinh; thi Hùng biện Tiếng Anh; vẽ tranh mừng Đảng, mừng Xuân; tổ chức phát học bổng cho học sinh vào đầu mỗi năm học và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn tham gia bảo hiểm y tế [H58-5.2-03]; [H58-5.2-04].

c) Hằng năm, nhà trường có rà soát đánh giá công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, các câu lạc bộ năng khiếu, công tác vận động hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để từ đó rút kinh nghiệm thực hiện cho những năm tiếp theo đạt hiệu quả hơn [H57-5.2-01]; [H57-5.2-02]; [H58-5.2-03].

Mức 2:

Kết quả hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục. Trong đó giáo viên bộ môn, GVCN đã kịp thời phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn và tùy vào đối tượng học sinh để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, giúp học sinh phát triển một cách toàn diện [H1-1.1-05]; [H14-1.5-03]; [H49-4.1-02].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều thành lập đội tuyển học sinh giỏi để bồi dưỡng dự thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp Tỉnh; tổ chức các cuộc thi năng khiếu vòng trường như: bóng đá, vẽ tranh, văn nghệ, TDTT, Hội khỏe phù đồng; tổ chức cuộc thi nghiên cứu Khoa học kỹ thuật để chọn học sinh dự thi các cấp. Với sự chuẩn bị chu đáo và đúng kế hoạch, nhà trường đã luôn tham dự và đạt kết quả cao trong cuộc thi được các cấp thẩm quyền khen thưởng; [H57-5.2-01]; [H39-2.2-04]; [H58-5.2-04]

2. Điểm mạnh

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo yếu kém và bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Vì thế chất lượng giáo dục và các phong trào ngày càng được nâng lên. Trong đó đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, luôn mong muốn học sinh tiến bộ trong học tập và phát triển năng khiếu hiện có. Được sự đồng thuận của tất cả đoàn thể trong và ngoài trường về hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém và các hoạt động phong trào. Từ đó công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém đạt hiệu quả. Tỷ lệ học sinh yếu kém giảm hằng năm. Nhiều học sinh đạt giải cấp huyện, cấp tỉnh các cuộc thi năng khiếu như: Văn nghệ, TDTT, vẽ tranh, nghiên cứu Khoa học kỹ thuật,...

3. Điểm yếu

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi luôn được nhà trường quan tâm, tuy nhiên số lượng và chất lượng chưa cao, nhà trường chưa có nhiều giải cao (giải nhất, nhì) trong các cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Vận động và kêu gọi các mạnh thường quân, tổ chức xã hội giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Lãnh đạo nhà trường, Tổng phụ trách, Bí thư chi đoàn	Vận động bằng các hình thức tuyên truyền, vận động trực tiếp	Trong năm học 2024-2025	Không
Hợp các tổ chuyên môn xây dựng giải pháp để nâng cao số lượng và chất lượng đội tuyển học sinh giỏi như: tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi ngay từ trong hè. Giao tổ trưởng chuyên môn phân công giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi báo cáo các chuyên đề nâng cao phục vụ cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.	Lãnh đạo trường, các tổ trưởng chuyên môn, GV phụ trách công tác BD HSG	Vận động, tuyên truyền, động viên, khích lệ học sinh	Từ năm học 2024-2025	Không

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào công văn chỉ đạo 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp THCS và cấp trung học phổ thông từ năm học 2008-2009. Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT. Từ năm học 2021-2022 đến nay nhà trường thực hiện dạy học môn Nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 6, 7, 8, 9 theo chương trình GDPT 2018. Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép ở các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Âm nhạc, Mỹ thuật. Nội dung giáo dục lịch sử địa phương được xây dựng theo khung chương trình, được thể hiện cụ thể trong kế hoạch bài dạy của giáo viên [H59-5.3-01].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn có trách nhiệm trong việc kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương của giáo viên dạy các môn: Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử,... Thực hiện nghiêm túc việc đưa nội dung giáo dục địa phương vào đề kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn của Phòng GD&ĐT [H11-1.4-03]; [H59-5.3-02];

c) Hằng năm nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá thực hiện chương trình giáo dục địa phương, cập nhật chương trình giáo dục địa phương mới đưa vào giảng dạy [H11-1.4-03]; [H59-5.3-01].

Mức 2:

Chương trình nội dung giáo dục địa phương góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh giúp các em hiểu biết một số kiến thức về văn hóa, xã hội, truyền thống lịch sử, địa lý, nghệ thuật, ngành nghề của địa phương, khơi dậy niềm tự hào về quê hương, ý thức giữ gìn, bảo tồn, phát huy truyền thống quê hương nói chung và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nói riêng [H11-1.4-03]; [H59-5.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục địa phương do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT quy định. Tài liệu giáo dục lịch sử địa phương vừa được Sở GD&ĐT bổ sung mới. Học sinh được tiếp cận những vấn đề về địa phương, gắn bó với quê hương góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn, tạo hứng thú, động lực học tập cho học sinh giúp các em hiểu biết một số kiến thức về văn hóa, xã hội, truyền thống lịch sử, địa lý, nghệ thuật, ngành nghề của địa phương, khơi dậy niềm tự hào về quê hương, ý thức giữ gìn, bảo tồn, phát huy truyền thống quê hương.

3. Điểm yếu

Nhà trường có tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử địa phương như di tích Mộ cô, di tích lịch sử văn hóa Bàu Thành, địa đạo Long Phước, di tích núi Minh Đạm nhân dịp các ngày kỷ niệm như: 22/12, 26/3,... Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia còn hạn chế do các em phải phụ giúp gia đình không có thời gian tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Khuyến khích giáo viên bộ môn Ngữ văn, Địa lý, Lịch sử sưu tầm bổ sung tư liệu phim ảnh giáo dục địa phương của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, huyện Long Điền để phục vụ cho công tác giảng dạy.	Lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn	Trong các tiết dạy	Trong năm học 2024-2025	Không
Tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm thực tế, tham quan, tìm hiểu thực tế các khu di tích lịch sử tại địa phương phù hợp về thời gian.	Lãnh đạo trường, TPT đội, Giáo viên dạy Nội dung giáo dục địa phương	Các buổi trải nghiệm	Trong năm học 2024-2025	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đều có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trong đó các hoạt động trải nghiệm được tổ chức tại trường và ngoài nhà trường tùy theo tính chất yêu cầu của hoạt động và điều kiện của nhà trường. Hoạt động hướng nghiệp được nhà trường thực hiện theo quy định tiết dạy, thông qua các hoạt động của Liên đội, chi đoàn. Phối hợp với trường cao đẳng kỹ thuật công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trường phổ thông cao đẳng FPT, các trường THPT trên địa bàn huyện Long Điền tư vấn phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở **[H29-1.8-06]; [H60-5.4-01];**

b) Nhà trường đã tổ chức dạy hướng nghiệp cho học sinh khối 9 theo chuyên đề và theo số tiết quy định. Thực hiện giảng dạy hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp theo chương trình GDPT 2018 cho các khối lớp 6,7,8. Ngoài ra nhà trường phối hợp với các trường dạy nghề tư vấn thêm cho học sinh lớp 9 nhằm giúp học sinh định hướng nghề nghiệp cho bản thân trong tương lai và hướng đi sau tốt nghiệp THPT. Riêng hoạt động trải nghiệm nhà trường cũng lên kế hoạch cụ thể cho lớp thực hiện và hằng năm 100% các lớp đều có hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch đề ra **[H29-1.8-06]; [H60-5.4-01];**

c) Để tổ chức tốt hoạt động hướng nghiệp và trải nghiệm nhà trường đã lên kế hoạch thực hiện đầu năm và có phân công cụ thể rõ ràng công việc. Hoạt động hướng nghiệp do Hiệu trưởng và GVCN thực hiện theo số tiết quy định. Hoạt động trải nghiệm do GVCN kết hợp với giáo viên bộ môn chọn hoạt động trải nghiệm để thực hiện trong năm theo chỉ tiêu đề ra [H29-1.8-06]; [H60-5.4-01];

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các hình thức phong phú, phù hợp với học sinh và điều kiện của nhà trường như tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm trường cao đẳng kỹ thuật công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các làng nghề, các khu di tích lịch sử, tham quan trải nghiệm nhà máy nước hồ đá đen,... Hoạt động hướng nghiệp được nhà trường phối hợp với các trường THPT trên địa bàn huyện Long Điền, trung tâm Giáo dục thường xuyên Long Điền – Đất Đỏ, trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tư vấn hướng nghiệp cho các em vào dịp gần cuối năm học để các em có định hướng chọn nghề sau tốt nghiệp THPT [H60-5.4-01]; [H29-1.8-06].

b) Sau mỗi năm học, nhà trường rà soát các hoạt động trải nghiệm trong học kỳ và năm học để rút kinh nghiệm và điều chỉnh phương pháp phù hợp sao cho kết quả của hoạt động trải nghiệm đạt kết quả. Nhà trường thường xuyên tổ chức hướng nghiệp cho học sinh khối 9 hằng năm và tổ chức họp bàn rút kinh nghiệm để công tác hướng nghiệp đạt kết quả cao [H60-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và trải nghiệm đầy đủ theo kế hoạch đề ra. Các hoạt động trải nghiệm phong phú giúp học sinh có thêm nhiều kiến thức trong học tập và cuộc sống. Nhà trường cũng đã triển khai thực hiện tốt hoạt động hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với nguyện vọng của phụ huynh và học sinh cũng như xu thế phát triển chung của kinh tế xã hội địa phương.

3. Điểm yếu

Một số CMHS chưa quan tâm trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THPT, nhất là học sinh năng lực học tập yếu thường không tiếp tục học nghề sau khi tốt nghiệp THPT. Tỷ lệ học sinh vào các trường nghề sau tốt nghiệp THPT còn ít, chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
<p>Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh. Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục kết hợp với các trường nghề tổ chức tư vấn nghề cho học sinh và phụ huynh khối 9 để phụ huynh hiểu rõ và định hướng tốt hướng đi sau tốt nghiệp THCS cho học sinh.</p> <p>Nhà trường kết hợp với Ban đại diện CMHS và các trường dạy nghề cho học sinh tham quan thực tế các trường dạy nghề để học sinh có thể thấy rõ hơn các ngành nghề phù hợp với lứa tuổi các em sau khi tốt nghiệp THCS.</p>	Lãnh đạo nhà trường, GVCN lớp 9	Các buổi họp, hội nghị với CMHS cùng đồng thuận tổ chức cho HS	Trong năm học 2024-2025	5.000.000 đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Kết quả: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể về định hướng giáo dục học sinh hình thành và phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Mục đích để học sinh có thể thích ứng với những hoàn cảnh, tình huống và điều kiện khác nhau của đời sống xã hội. Từ kế hoạch của nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch lồng ghép giáo dục kỹ năng sống tùy vào đặc thù bộ môn của mình. Ngoài ra, Tổng phụ trách Đội đã xây dựng kế hoạch hoạt động “Tuần lễ sinh hoạt tập thể đầu năm” nhằm giáo dục học sinh truyền thống địa phương [H61-5.4-01], truyền thống nhà trường, học sinh được quán triệt nội quy học sinh; tổ chức các hoạt động tập thể, phong trào “Mỗi tuần một câu chuyện đạo đức”; hướng dẫn học sinh phòng chống tai nạn thương tích, tai nạn giao thông, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, phòng chống đuối nước, chấp hành tốt pháp luật trong các buổi sinh hoạt dưới cờ... [H61-5.4-02]; [H7-1.3-05];

b) Qua rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống mà nhà trường triển khai, học sinh đã hiểu biết xã hội, nắm được pháp luật một cách tích cực và chấp hành tốt nội quy trường lớp. Nhà trường cũng đã thu thập được những vấn đề còn hạn chế của học sinh qua quá trình rèn luyện để từ đó tiếp tục có những giải pháp giúp học sinh hình thành kỹ năng sống tốt hơn [H14-1.5-03];

c) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống đã từng bước hình thành, phát triển đạo đức, lối sống của học sinh phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Các em biết thể hiện việc ứng xử thế nào với thầy cô, cha mẹ, bạn bè và người lớn tuổi, chấp hành tốt nội quy trường lớp và hiểu biết về những quy định cơ bản pháp luật của nhà nước [H61-5.4-01]; [H61-5.4-02].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện bản thân mình ở mức độ nào, biết tự rèn luyện bản thân mình ngày một hoàn thiện hơn như chấp hành đầy đủ nội quy của trường lớp, biết kính trọng thầy cô, yêu thương giúp đỡ bạn bè và học tập hăng say hơn [H61-5.4-01]; [H61-5.4-02]

b) Qua những kiến thức đã học, khi bước vào thực tế cuộc sống, học sinh đã vận dụng tốt các kỹ năng như: tự bảo vệ bản thân không để bị xâm hại, biết phòng chống tai nạn thương tích, không vi phạm bạo lực học đường, thực hiện nghiêm túc ATGT, không để bị người lạ dẫn dắt, học sinh biết cách cư xử kiềm chế khi nảy sinh mâu thuẫn, biết vận dụng kiến thức công nghệ thông tin đã học tìm tòi các tài liệu học tập trên mạng, biết tự tổ chức các hoạt động nhóm, biết tự học, tự bảo vệ bản thân từ đó học sinh từng bước hình thành và phát triển nhân cách [H61-5.4-01]; [H61-5.4-02]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp tỉnh và cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật cấp huyện. Riêng cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật nhà trường có phân công giáo viên hướng dẫn học sinh, từ những ý tưởng hay, sáng tạo với sự dẫn dắt, góp ý của giáo viên, học sinh đã tạo ra những sản phẩm có giá trị. Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 nhà trường đều có 01 sản phẩm tham gia và đạt giải hội thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật cấp huyện, năm học 2023-2024 có 01 học sinh tham gia hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng cấp tỉnh đạt giải Ba, 2 học sinh tham gia sân chơi đua xe bằng thủy lực cấp tỉnh đạt 1 giải nhì [H39-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, các em tích cực tham gia và có ý thức hơn trong việc tự bảo vệ mình và tích cực tuyên truyền Luật giao thông, tệ nạn xã hội đến mọi người trong gia đình và trong xã hội;

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, duy trì thường xuyên, có hiệu quả thông qua các giờ học trên lớp, các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp... Học sinh biết vận dụng các kỹ năng sống vào cuộc sống hằng ngày và bước đầu các em có khả năng nghiên cứu khoa học dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh trong giao tiếp ứng xử với bạn bè, thầy cô chưa tốt. Một số em còn rụt rè, nhút nhát trong các hoạt động tập thể, chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động trải nghiệm để hình thành kỹ năng sống. Học sinh chưa mạnh dạn trao đổi tư vấn tâm lý học đường với giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền cho tất cả các CB-GV-NV cũng như học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của giáo dục về kỹ năng sống và ứng xử có văn hoá trong nhà trường ngay từ đầu năm trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, qua các kênh như trang web, Zalo, Facebook,...	Lãnh đạo nhà trường	Các buổi họp	Trong năm học 2024-2025	Không
Nhà trường phân công các tổ chuyên môn, đoàn, đội tổ chức thực hiện tốt hơn việc giáo dục tư vấn về sức khỏe thể chất, tinh thần, giáo dục về giới tính thông qua hoạt động ngoại khóa và tích hợp trong các môn học. Duy trì tham gia cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng và Nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp trường để học sinh có sân chơi bổ ích. Tổ chức nhiều hội thi bổ ích: Văn nghệ, làm báo tường, bóng đá, bóng rổ, chúng em kể	Giáo viên bộ môn; giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách, thành viên tổ tư vấn tâm lý	Các buổi sinh hoạt, buổi họp	Trong năm học 2024-2025	Không

chuyện Bác Hồ... để học sinh rèn luyện thêm văn hóa ứng xử và mạnh dạn hơn trong giao tiếp. Bên cạnh đó hoạt động tổ tư vấn tâm lý học đường nhà trường phải chủ động tìm đến học sinh, khuyến khích học sinh mạnh dạn trao đổi với giáo viên những khó khăn trong học tập và cuộc sống.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực và hạnh kiểm hằng năm đạt yêu cầu so với chỉ tiêu nhà trường đề ra. Học sinh có hạnh kiểm/kết quả rèn luyện từ Khá trở lên và học lực/kết quả học tập Trung bình/Đạt trở lên hằng năm đều đạt trên 99%. Tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng hằng năm cũng đạt trên 99% **[H62-5.6-01]; [H62-5.6-02]**.

b) Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm đều đạt 100% **[H63-5.6-03]**;

c) Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiến hành phân loại học sinh, từ đó tổ chức tư vấn cho học sinh và phụ huynh đăng ký nguyện vọng tuyển sinh vào lớp 10 phù hợp với năng lực học của các em, từ đó phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở đạt yêu cầu đề ra. Nhà trường kết hợp với các trường THPT trên địa bàn huyện Long Điền, trung tâm Giáo dục thường xuyên Long Điền – Đất Đỏ, trường cao đẳng kỹ thuật công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tư vấn, phân luồng hướng nghiệp cho học sinh lớp 9. Từ đó thực hiện được công tác phân luồng học sinh theo kế hoạch của nhà trường **[H60-5.4-01]; [H29-1.8-06]**;

Kết quả phân luồng học sinh lớp 9 trong 5 năm học

Năm học	Số HS TN THCS	Số HS thi đậu THPT (SL/TL)	Số HS học TTGDTX (SL/TL)	Số HS học nghề tại các trường nghề (SL/TL)	Số HS học nghề tự do (SL/TL)	Khác
2019-2020	228	139 60,96%	1 0,44	41 17,98	22 9,65	25 10,96
2020-2021	229	150 65,	7 3,01	30 13,1	17 7,42	25 10,91
2021-2022	197	115 58,35	4 2,03	38 19,29	17 8,63	23 11,66
2022-2023	230	125 54,34	0 0	40 17,38	40 17,4	11 4,78
2023-2024	211	145 68,72	6 2,84	25 11,85	9 4,27	27 12,79

Mức 2:

a) Trong 05 năm liền, kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chiều hướng tích cực, chất lượng năm sau cao hơn năm trước **[H62-5.6-01]**;

Về Học lực:

Năm học	GIỎI	KHÁ	TB	YẾU	KÉM
2019-2020	225/945 23,81%	334/945 35,34%	383/945 40,53%	3/945 0,32%	/
2020-2021	203/940 21,6%	337/940 35,85%	388/940 41,28%	6/940 0,64%	6/940 0,64%
2021-2022 (Khối 7,8,9)	200/669 29,9%	286/669 42,67%	183/669 27,35%	/	/
2022-2023 (Khối 8,9)	105/448 23,44%	200/448 44,64%	143/448 31,92%	/	/
2023-2024 (Khối 9)	61/211 28,91%	83/211 39,345%	67/211 31,75%	/	/

Về Hạnh kiểm:

Năm học	TỐT	KHÁ	TB	YẾU
2019-2020	842/945 89,01%	103/945 10,9%	/	/
2020-2021	822/940 87,45%	118/940 12,55%	/	/
2021-2022 (Khối 7,8,9)	626/669 93,57%	43/669 6,43%	/	/
2022-2023 (Khối 8,9)	409/448 91,29%	39/448 8,71%	/	/
2023-2024 (Khối 9)	197/211 93,36%	16/211 6,64%	/	/

Kết quả học tập theo Thông tư 22

Năm học	TỐT	KHÁ	ĐẠT	CD
2021-2022 (Khối 6)	63/235 26,81%	85/235 36,17%	87/235 37,02%	/
2022-2023 (Khối 6,7)	148/478 30,96%	169/478 35,36%	161/478 33,68%	/
2023-2024 (Khối 6,7,8)	253/810 31,23%	302/810 37,28%	252/810 31,11%	3/810 0,37%

Kết quả rèn luyện của học sinh theo thông tư 22

Năm học	TỐT	KHÁ	ĐẠT	CD
2021-2022 (Khối 6)	217/235 92,34%	18/235 7,66%	/	/
2022-2023 (Khối 6,7)	449/478 93,93%	29/478 6,07%	/	/
2023-2024 (Khối 6,7,8)	768/810 94,81%	38/810 4,69%	4/810 0,49%	/

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đều tăng trong 05 năm liên tiếp [H62-5.6-01]; [H63-5.6-03].

Năm học	Số lượng/ Tỷ lệ học sinh lên lớp			
	Khối 6	Khối 7	Khối 8	TN TRUNG HỌC CƠ SỞ KHỐI 9
2019-2020	252/252 100%	225/228 98,68%	237/237 100%	228/228 100%
2020-2021	242/247 97,98%	252/258 97,67%	205/206 99,51%	229/229 100%
2021-2022	235/235 100%	232/232 100%	240/240 100%	197/197 100%
2022-2023	253/253 100%	225/225 100%	218/218 100%	230/230 100%
2023-2024	331/334 99,1%	254/254 100%	222/222 100%	211/211 100%

Mức 3:

Bình quân trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ học lực và hạnh kiểm như sau: [H13-1.5-01]; [H1-1.1-05]; [H62-5.6-01]

NĂM HỌC	HỌC LỰC					Hạnh kiểm Từ TB trở lên
	% Giỏi	% Khá	%TB	% Yếu	% Kém	
2019-2020	23,81%	35,34%	40,53%	0,32%	/	100%
2020-2021	21,6%	35,85%	41,28%	0,64%	0,64%	100%
2021-2022 (Khối 7,8,9)	29,9%	42,67%	27,35%	/	/	100%

2022-2023 (Khối 8,9)	23,44%	44,64%	31,92%	/	/	100%
2023-2024 (Khối 9)	28,91%	39,345%	31,75%	/	/	100%

Kết quả xếp loại và rèn luyện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT

NĂM HỌC	HỌC TẬP				RÈN LUYỆN Từ Đạt trở lên
	%Tốt	%Khá	%Đạt	%Chưa đạt	
2021-2022 (Khối 6)	26,81%	36,17%	37,02%	/	100%
2022-2023 (Khối 6,7)	30,96%	35,36%	33,68%	/	100%
2023-2024 (Khối 6,7,8)	253/810	302/810	252/810	3/810	100%
	31,23%	37,28%	31,11%	0,37%	

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm không quá 1% và học sinh lưu ban hàng năm không vượt quá 2% [H49-4.1-02]; [H64-5.6-04]

Năm học	SL HS bỏ học/ TSHS/ Tỷ lệ HS bỏ học	Tỷ lệ HS lưu ban
2019-2020	6/971 0,62%	3/945 0,32%
2020-2021	4/968 0,41%	940 1,28%
2021-2022	4/948 0,42%	/
2022-2023	3/953 0,31%	/
2023-2024	3/1036 0,29%	3/1021 0,29%

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm thực hiện tốt công tác giảng dạy và nâng cao chất lượng đại trà cũng như chất lượng mũi nhọn nên tỷ lệ học sinh lên lớp và tỷ lệ học sinh giỏi các cấp đều đạt chỉ tiêu đề ra. Chất lượng hai mặt giáo dục luôn ổn định và bền vững.

Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có tay nghề vững vàng, luôn quan tâm đến chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh. Quan tâm đến công tác vận động học sinh ra lớp, một số học sinh bỏ học được GVCN kết hợp vận động đạt hiệu quả tốt.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm luôn đạt 100%; Công tác phân luồng, hướng nghiệp học sinh sau tốt nghiệp THCS được nhà trường thực hiện đầy đủ.

3. Điểm yếu

Mặc dù nhà trường luôn quan tâm và thực hiện tốt công tác vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, tuy nhiên tỷ lệ học sinh bỏ học vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Giữ vững kết quả giáo dục của nhà trường trong những năm qua, thực hiện tốt hơn nữa việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đưa chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một cao hơn.	Lãnh đạo nhà trường, Giáo viên	Các buổi họp, sinh hoạt	Thường xuyên trong năm học 2024-2025	Không
Năm học 2024-2025, nhà trường sẽ phối hợp chặt chẽ hơn với các tổ chức xã hội, CMHS và các đoàn thể ở địa phương để thực hiện công tác vận động học sinh bỏ học trở lại lớp và tìm nguồn hỗ trợ giúp đỡ cho các em chi phí học tập, bảo hiểm y tế nếu các em gặp hoàn cảnh khó khăn	Lãnh đạo, GVCN	Sự phối hợp của GVCN, sự đồng thuận của CMHS	Trong năm học 2024-2025	20.000.000

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt

b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Nhà trường thực hiện đúng các quy định về chuyên môn theo chương trình của Bộ GD&ĐT. Kế hoạch chuyên môn của từng năm học cụ thể, sát với tình hình thực tế và thực hiện đúng theo thời gian. Cuối kỳ, năm có sơ kết, tổng kết, rà soát, đánh giá kết quả đạt được.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy đã thực sự đi vào chiều sâu. Giáo viên đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn học sinh chủ động tiếp thu kiến thức.

Nhiệm vụ phổ cập giáo dục ở địa phương được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Nhà trường đã có kế hoạch và triển khai một cách cụ thể từ đầu năm học. Giáo viên tích cực tham gia và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền được cấp trên công nhận phổ cập cấp trung học cơ sở.

Công tác bồi dưỡng và phụ đạo học sinh được nhà trường rất quan tâm. Đầu năm học nhà trường tiến hành khảo sát, phân loại. Tổ chuyên môn có kế hoạch cụ thể; phân công giáo viên bồi dưỡng, phụ đạo theo kế hoạch tuần, tháng. Vì vậy, tỷ lệ học sinh yếu, kém ngày càng giảm.

Việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương được giáo viên, tổ chuyên môn rất quan tâm, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho học sinh.

Các hoạt động văn nghệ, thể thao trong nhà trường được tổ chức thường xuyên theo chủ đề, chủ điểm. Vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được chuyên môn, tổ giáo viên thực sự quan tâm nhằm giáo dục, rèn các kỹ năng sống thông qua các tiết dạy và lồng ghép các nội dung thông qua các hoạt động khác.

Học sinh tích cực tham gia bảo vệ môi trường. Cảnh quan trường luôn sạch đẹp. Hoạt động học tập của học sinh đã đi vào chiều sâu và đạt được kết quả tốt. Tỷ lệ học sinh yếu kém ngày càng giảm, tỷ lệ khá, giỏi ngày càng tăng, số lượng học sinh giỏi các cấp năm sau cao hơn năm trước. Đạo đức của học sinh ngày càng có sự chuyển biến rõ rệt. Tỷ lệ khá tốt về hạnh kiểm hằng năm đạt trên 95%. Nhiều năm liền nhà trường không có học sinh vi phạm kỷ luật buộc thôi học.

Hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp được nhà trường rất quan tâm.

Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: Một số giáo viên lớn tuổi nên việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy còn hạn chế, một số ít học sinh chưa ham học, kỹ năng giao tiếp của một số ít học sinh còn hạn chế.

Số tiêu chí đạt mức 1: 06/06 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Số tiêu chí đạt mức 2: 06/06 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/04 tiêu chí; Tỷ lệ: 100%

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5: Đạt mức 3

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: Không

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành, tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ hết sức tự hào với những thành quả mà nhà trường đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về công tác tổ chức và quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục đạt được là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường. Trường trung học cơ sở Nguyễn Huệ đã khẳng định được uy tín và chất lượng so với các trường trong huyện. Hàng năm đều có học sinh tham gia thi học sinh giỏi cấp huyện và đạt nhiều giải cao, có học sinh tham gia học sinh giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở luôn 100%; tỷ lệ đỗ vào các trường trung học phổ thông đạt trên 80% (tính trên số lượng học sinh đăng ký dự thi); chất lượng giáo dục đại trà ổn định và giữ vững đạt trung bình trên 20% học lực giỏi, dưới 2% học lực yếu. Đó thực sự là nguồn động viên, là niềm tự hào của của mỗi thầy giáo, cô giáo và học sinh khi được giảng dạy và học tập ở mái trường này.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8

năm 2018 về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau :

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28, đạt tỷ lệ 100%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 28/28, đạt tỷ lệ 100%
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 16/20, đạt tỷ lệ 80%
- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 2.
- Cơ sở giáo dục phổ thông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1;



Nhà trường tiếp tục hoàn thiện và cải tiến công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục để đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội đặt ra trong thời kỳ đổi mới và hội nhập hiện nay./.


Phước Hưng, ngày 18 tháng 10 năm 2024




HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Hà

PHỤ LỤC 4
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG





Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú	
TIÊU CHUẨN 1							
Tiêu chí 1.1	1	H1-1.1-01	Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng;	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)	
	2	H1-1.1-02	Nghị quyết đại hội Đảng bộ xã Phước Hưng về định hướng phát triển KT-XH của địa phương, của ngành các năm. Nghị quyết của HĐND xã Phước Hưng nhiệm kỳ 2021-2026	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	3	H1-1.1-03	Sổ nghị quyết (họp giao ban) của nhà trường	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Thư ký HĐ		
	4	H1-1.1-04	Trang Web trường (https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)	
	5	H1-1.1-05	Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	6	H1-1.1-06	Biên bản rà soát bổ sung kế hoạch chiến lược	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
Tiêu chí 1.2	1	H2-1.2-01	Hồ sơ Hội đồng trường (Quyết định thành lập+Danh sách Hội đồng trường có phê duyệt của PGD, Quy chế hoạt động của Hội đồng trường, Sổ nghị quyết (Biên bản họp) của Hội đồng trường (ít nhất 3 lần/năm học)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Chủ tịch HĐ trường		



	2	H3-1.2-02	Quyết định thành lập các hội đồng: Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm SKKN; Hội đồng chấm thi GVG, GVCN cấp trường; ...	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng, văn thư		
	3	H4-1.2-03	Hồ sơ thi đua (Quyết định thành lập + danh sách Hội đồng thi đua, khen thưởng; Quy chế thi đua, khen thưởng của trường, Văn bản hướng dẫn thi đua của ngành (Phòng, sở), Bảng tổng hợp Thi đua của CBQL, giáo viên và nhân viên, Biên bản họp xét thi đua cuối năm của trường, Kết quả (Quyết định thi đua) của UBND huyện	NH 2019-2020 đến 2023-2024	CTCĐ		
Tiêu chí 1.3	1	H5-1.3-01	Hồ sơ Công đoàn (Quyết định thành lập công đoàn trường, công nhận BCH công đoàn, chủ tịch, phó chủ tịch công đoàn, Nghị quyết, biên bản đại hội công đoàn, Danh sách công đoàn viên, Báo cáo sơ kết, tổng kết của công đoàn, Kế hoạch hoạt động và Các văn bản có liên quan của công đoàn, Hình ảnh hoạt động của Công đoàn	NH 2019-2020 đến 2023-2024	CTCĐ	Hình ảnh trại địa chỉ (https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)	
	2	H6-1.3-02	Hồ sơ Hội nghị CBCCVC hàng năm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	CTCĐ		
	3	H7-1.3-03	Hồ sơ chi đoàn (Quyết định thành lập Chi đoàn, công nhận BCH chi đoàn, bí thư, phó bí thư chi đoàn, Nghị quyết, biên bản đại hội chi đoàn, Danh sách đoàn viên, Báo cáo sơ kết, tổng kết của chi đoàn, Hồ sơ đại hội chi đoàn hàng năm, Kế hoạch hoạt động và các văn bản liên quan của Chi đoàn	NH 2019-2020 đến 2023-2024	CTCĐ		
	4	H7-1.3-04	Hồ sơ Liên đội (Quyết định công nhận + Danh sách BCH Liên đội, Báo cáo sơ kết và tổng kết các hoạt động của Liên đội, Sổ Liên đội, Các kế hoạch và các văn bản liên quan của liên đội	NH 2019-2020 đến 2023-2024	TPT		
	5	H7-1.3-05	Hình ảnh tổ chức các hoạt động Đoàn, Đội, Công đoàn				



	6	H8-1.3-06	Hồ sơ Chi bộ (QĐ thành lập Chi bộ, Ban chi ủy, DS đảng viên, Sổ Nghị quyết, Sổ Biên bản họp, Biên bản họp hàng tháng của Chi bộ, Báo cáo sơ kết, tổng kết của Chi bộ, Quyết định công nhận Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, chi bộ trong sạch vững mạnh)	NH 2019-2020 đến 2023-2024			
Tiêu chí 1.4	1	H9-1.4-01	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng; Bảng cấp chuyên môn, các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Hiện tại	Hồ sơ CCVC		
	2	H10-1.4-02	QĐ thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng 5 năm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	3	H11-1.4-03	Hồ sơ quản lý tổ chuyên môn (Sổ sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, KH hoạt động/giáo dục của tổ chuyên môn)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	4	H12-1.4-04	Hồ sơ quản lý tổ văn phòng (Sổ biên bản họp, kế hoạch hoạt động, bảng phân công nhiệm vụ,...)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
Tiêu chí 1.5	1	H13-1.5-01	Sổ theo dõi đánh giá học sinh theo lớp (Sổ gọi tên ghi điểm)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	2	H13-1.5-02	Sổ đăng bộ	NH 2019-2020 đến 2023-2024	GVCN		
	3	H14-1.5-03	Sổ chủ nhiệm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	GVCN		
	4	H14-1.5-04	Bảng tổng hợp thông tin về các lớp theo từng năm (có thông tin: GVCN, sĩ số)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	5	H14-1.5-05	Biên bản bầu lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng	NH 2019-2020 đến 2023-2024	GVCN		
Tiêu chí 1.6	1	H15-1.6-01	Văn bản đi đến, sổ công văn đi đến	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
		H16-1.6-02	Hồ sơ dự toán thu, chi		Kế toán		
			Các báo cáo tài chính, tài sản				
			Bảng công khai tài chính				
			Biên bản quyết toán tài chính.				
	3	H17-1.6-03	Sổ quản lý tài sản; Biên bản kiểm kê tài sản	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên T.Bị		


	4	H18-1.6-04	Quy chế chi tiêu nội bộ	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
	5	H19-1.6-05	Hợp đồng, tên phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản của trường	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
Tiêu chí 1.7	1	H20-1.7-01	Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên hàng năm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	PHT		
			DS tham gia hoặc Quyết định công nhận kết quả BDTX của GV				
	2	H21-1.7-02	Phân công chuyên môn + Thời khóa biểu	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	3	H21-1.7-03	Quyết định phân công nhiệm vụ đầu năm các thành viên	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	5	H23-1.7-05	Hồ sơ dự nguồn CBQL		Hiệu trưởng		
Tiêu chí 1.8	1	H24-1.8-01	Kế hoạch giáo dục nhà trường	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	2	H25-1.8-02	Kế hoạch chuyên môn nhà trường (Từ năm học 20219 đến năm học 2021-2022)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	3	H26-1.8-03	Kế hoạch cá nhân của giáo viên (Từ năm học 2020-2021 đến 2023-2024)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Giáo viên		
	4	H27-1.8-04	Sổ đầu bài	NH 2019-2020 đến 2023-2024	GVCN		
	5	H28-1.8-05	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	6	H29-1.8-06	Kế hoạch hình ảnh Hoạt động NGLL, HĐ TNHH, STEM	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)	
	7	H30-1.8-07	Hồ sơ tuyển sinh lớp 10	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	8	H31-1.8-08	Hồ sơ dạy thêm, học thêm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
Tiêu chí 1.9	1	H32-1.9-01	Báo cáo của thanh tra nhân dân	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	2	H33-1.9-02	Quy chế dân chủ, Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		

	3	H34-1.9-03	Hồ sơ tiếp công dân	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
Tiêu chí 1.10	1	H35-1.10-01	Kế hoạch ATGT	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	2	H35-1.10-02	Kế hoạch, phương án PCCC	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởnggg		
	3	H35-1.10-03	Kế hoạch ANTT trường học, phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích,...	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	4	H35-1.10-04	Bảng niêm yết số điện thoại đường dây nóng (trên trang Web). Các hình ảnh giáo viên và học sinh được phổ biến về ATGT, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn, thương tích	NH 2024-2025	Trang web: https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)		
	5	H35-1.10-05	Các báo cáo về ANTT, ATTH, PCCC tai nạn thương tích,...Giấy chứng nhận trường học an toàn	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
TIÊU CHUẨN 2							
Tiêu chí 2.1	2	H36-2.1-01	Hồ sơ đánh giá viên chức, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
	3	H37-2.1-02	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng; phó hiệu trưởng	NH 2019-2020, 2021-2022, 2023-2024	Hiệu trưởng		
Tiêu chí 2.2	1	H38-2.2-01	Danh sách giáo viên có thông tin về trình độ đào tạo	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng		
	2	H37-2.2-02	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp của giáo viên	NH 2019-2020, 2021-2022, 2023-2024	Hiệu trưởng		
	3	H36-2.2-03	Hồ sơ đánh giá viên chức	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	4	H39-2.2-04	Hồ sơ thi KHKT cấp trường, huyện (Kế hoạch, bảng phân công, QĐ công nhận kết quả)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	5	H40-2.2-05	QĐ công nhận sáng kiến kinh nghiệm cấp huyện, cấp tỉnh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Văn thư		
Tiêu chí 2.3	1	H38-2.3-01	Danh sách nhân viên nhà trường có trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Hợp đồng nhân viên	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng, kế toán		
	2	H38-2.3-02	Bảng phân công nhiệm vụ nhân viên	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng		

Tiêu chí 2.3	3	H38-2.3-03	Danh sách nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
Tiêu chí 2.4	1	H41-2.4-01	Hồ sơ tuyển sinh lớp 6	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	2	H42-2.4-02	Hồ sơ tư vấn tâm lý học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Tổ tư vấn		
	3	H43-2.4-03	Nội qui học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	TPT		
	4	H43-2.4-04	Hồ sơ khám sức khỏe học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên y tế		
TIÊU CHUẨN 3							
Tiêu chí 3.1	1	H44-3.1-01	Hồ sơ xây dựng và quyền sử dụng đất	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng, Kế toán		
	2	H44-3.1-02	Hình ảnh Khuôn viên trường, cổng trường, biển tên trường, tường rào, khu sân chơi, bãi tập	NH 2019-2020 đến 2023-2024	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	
	3	H44-3.1-03	Hình ảnh các buổi lễ, phong trào	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Trang web: https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue		
Tiêu chí 3.2	1	H45-3.2-01	Hình ảnh Phòng học, phòng bộ môn, khối phục vụ học tập, phòng đoàn đội, phòng truyền thống	NH 2019-2020 đến 2023-2024	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	
Tiêu chí 3.3	1	H45-3.3-01	Hình ảnh Khối hành chính quản trị, khu để xe giáo viên-học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	
	2	H45-3.3-02	Hóa đơn sửa chữa thiết bị văn phòng	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		

Tiêu chí 3.4	1	H45-3.4-01	Hình ảnh khu nhà vệ sinh của giáo viên và học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	
		H45-3.4-02	Hóa đơn thanh toán tiền điện, nước, thu gom rác	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
		H45-3.4-03	Hình ảnh thu gom rác thải	NH 2019-2020 đến 2023-2024	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	https://drive.google.com/drive/folders/1BO7jclteLZSZZmnvufmerNpV9QP_Zp8X?usp=sharing	
		H45-3.4-04	Hồ sơ cung cấp nước uống	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
		H45-3.4-05	Biên bản kiểm tra hoặc giấy chứng nhận của cơ quan y tế	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
Tiêu chí 3.5	1	H46-3.5-01	Kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên thiết bị		
	2	H46-3.5-02	Hình ảnh Các thiết bị văn phòng: máy tính, máy in, máy photo, scan, ...	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
	3	H46-3.5-03	Danh mục thiết bị đồ dùng dạy học tự làm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
	4	H46-3.5-04	Các đường truyền Internet của trường (Hợp đồng)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán		
	5	H46-3.5-05	Sổ danh mục thiết bị, Sổ mượn trả thiết bị	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên thiết bị		
	6	H46-3.5-06	Biên bản kiểm kê thiết bị, đồ dùng dạy học hàng năm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên thiết bị		
Tiêu chí 3.6	1	H47-3.6-01	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn mức độ 1 theo Thông tư 16	Năm học 2024-2025	Nhân viên thư viện		
	2	H47-3.6-02	Hồ sơ quản lý thư viện (Danh mục sách, tài liệu, Sổ theo dõi cho mượn/trả, Hóa đơn mua sách, Hình ảnh thư viện trường, Biên bản kiểm kê thư viện, hình ảnh thư viện)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Nhân viên thư viện		
TIÊU CHUẨN 4							

Tiêu chí 4.1	1	H48-4.1-01	Hồ sơ ban đại diện cha mẹ học sinh (Biên bản Hội nghị BDD, Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện, Quyết định công nhận Ban đại diện, Báo cáo hoạt động của Ban đại diện (nếu có))	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Ban Đại diện CMHS, Hiệu trưởng		
	2	H49-4.1-02	Danh sách học sinh nhận học bổng, quà từ các nhà tài trợ; Danh sách học sinh bỏ học, Biên bản vận động học sinh ra lớp	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Kế toán, TPT		
Tiêu chí 4.2	1	H50-4.2-01	Các văn bản, tờ trình của nhà trường tham mưu, đề xuất với cấp trên để thực hiện kế hoạch giáo dục	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	2	H45-4.2-02	Hình ảnh giáo viên, học sinh thấp hương đền liệt sỹ, làm vệ sinh trường, chăm sóc di tích lịch sử, thăm gia đình chính sách, tham gia các hoạt động của địa phương, của ngành GD	NH 2019-2020 đến 2023-2024	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)		
TIÊU CHUẨN 5							
Tiêu chí 5.1	1	H51-5.1-01	Phân phối chương trình các môn (QĐ ban hành + PPCT từng môn)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	2	H52-5.1-02	Sổ/ Lịch báo giảng của GV	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	3	H53-5.1-03	Sổ dự giờ của GV (năm 2019-2020 đến 2020-2021)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	TTCM, GV		
	4	H54-5.1-04	Kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	5	H55-5.1-05	Hồ sơ kiểm tra học kỳ, Hồ sơ kiểm tra lại		Phó hiệu trưởng		
	6	H56-5.1-06	Sổ hội họp, sinh hoạt chuyên môn của GV	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
Tiêu chí 5.2	1	H57-5.2-01	Hồ sơ bồi dưỡng học sinh giỏi	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	2	H57-5.2-02	Hồ sơ phụ đạo học sinh yếu kém	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	3	H58-5.2-03	Kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ (tiếng Anh, TTĐD)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	4	H58-5.2-04	Hình ảnh học sinh có năng khiếu tham gia các hoạt động	NH 2019-2020 đến 2023-2024	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)		

Tiêu chí 5.3	1	H59-5.3-01	Kế hoạch thực hiện, kế hoạch bài dạy và tài liệu giáo dục địa phương	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng, GV được phân công		
	2	H59-5.3-02	Đề kiểm tra học kỳ có nội dung giáo dục địa phương	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
Tiêu chí 5.4	1	H60-5.4-01	Hồ sơ phân luồng, hướng nghiệp lớp 9 (Kế hoạch, DSHS không thi, không trúng tuyển lớp 10 vào các trường nghề,..., Báo cáo kết quả phân luồng)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
Tiêu chí 5.5	1	H61-5.4-01	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, kế hoạch giáo dục lồng ghép (giáo án)	NH 2019-2020 đến 2023-2024	TPT, GV được phân công		
	2	H61-5.4-02	Các hình ảnh giáo dục kỹ năng sống cho học sinh	NH 2019-2020 đến 2023-2024	(https://edu.viettel.vn/vtu-longdien-thcsnguyenhue)		
Tiêu chí 5.6	1	H62-5.6-01	Thống kê Học lực- Hạnh kiểm 5 năm	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	2	H62-5.6-02	Báo cáo tổng kết chuyên môn	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Phó hiệu trưởng		
	3	H63-5.6-03	Hồ sơ xét tốt nghiệp 9	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		
	4	H64-5.6-04	Danh sách học sinh lưu ban	NH 2019-2020 đến 2023-2024	Hiệu trưởng		